

Cơ chế Điều chỉnh Biên giới các-bon của Liên minh Châu Âu

Hướng dẫn Kỹ thuật
cho Doanh nghiệp Xuất khẩu

HƯỚNG DẪN CỦA IISD

Viện Quốc tế về Phát triển Bền vững

Viện Quốc tế về Phát triển Bền vững (IISD) là một tổ chức nghiên cứu chính sách được công nhận trên toàn cầu, với hơn 30 năm kinh nghiệm trong việc giải quyết những thách thức cấp bách nhất về phát triển bền vững trên thế giới. IISD kết hợp chuyên môn sâu rộng trên nhiều lĩnh vực với phương pháp tiếp cận hợp tác trong nghiên cứu, tư vấn chính sách và hỗ trợ triển khai thực tiễn nhằm bảo đảm các giải pháp được hiện thực hóa một cách hiệu quả. Có trụ sở chính tại Winnipeg, tỉnh Manitoba (Canada), IISD quy tụ đội ngũ gồm hơn 300 chuyên gia với chuyên môn đa dạng làm việc tại các văn phòng ở Canada, Thụy Sĩ và nhiều địa điểm khác trên thế giới.

Trụ sở chính của IISD tại Winnipeg trên Lãnh thổ Hiệp ước số 1 (Treaty 1 Territory) – vùng đất truyền thống của các dân tộc Anishinaabe (Ojibwe), Ininiw (Cree), Anisininew (Ojibwe-Cree), Dene và Dakota, đồng thời là quê hương của cộng đồng Métis Sông Hồng (Red River Métis Nation).

IISD là một tổ chức phi lợi nhuận đã đăng ký tại Canada và được công nhận tư cách pháp lý theo Điều khoản 501(c)(3) tại Hoa Kỳ. Hoạt động của IISD được hỗ trợ kinh phí thường xuyên từ Chính quyền tỉnh Manitoba, đồng thời nhận tài trợ cho các dự án từ chính phủ các nước trong và ngoài Canada, các cơ quan thuộc Liên Hợp Quốc, các quỹ tài trợ, khu vực tư nhân và các cá nhân.

Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon của Liên minh Châu Âu: Hướng dẫn Kỹ thuật cho Doanh nghiệp Xuất khẩu

Tháng 2026

Thực hiện bởi George Riddell và Antoine Bonnet

Ảnh: iStock

Trụ sở chính

111 Lombard Avenue, Suite 325
Winnipeg, Manitoba
Canada R3B 0T4

iisd.org

Lời cảm ơn

Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn các ý kiến và đóng góp hữu ích từ Alice Tipping, Darcie Doan và Aaron Cosbey (IISD).

Nhóm tác giả cũng xin trân trọng cảm ơn bà Nguyễn Hồng Loan, Giám đốc điều hành GreenCIC, vì đã dịch báo cáo này sang tiếng Việt, cùng bà Mai Dương, Cố vấn chính sách (IISD), vì đã hiệu đính một số đoạn trích trong báo cáo.

Nhóm tác giả cũng xin trân trọng cảm ơn hỗ trợ tài chính từ Bộ Sự vụ Toàn cầu Canada thông qua dự án “Thúc đẩy giảm phát thải hướng tới nền kinh tế bền vững tại Đông Nam Á (EASE-SEA)”.



Tóm tắt tổng quan

Từ tháng 1 năm 2026, các nhà nhập khẩu một số mặt hàng công nghiệp nặng vào Liên Minh Châu Âu (EU) sẽ bắt đầu phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính ngày càng lớn theo quy định của Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) của EU. Tuy nhiên, các yêu cầu kỹ thuật và chi phí phát sinh từ CBAM không chỉ ảnh hưởng đến các nhà nhập khẩu, mà còn tác động đáng kể đến các doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM vào thị trường EU. Hướng dẫn kỹ thuật này được xây dựng dành riêng cho các doanh nghiệp xuất khẩu, nhằm giải thích các quy định CBAM hiện hành và phân tích tác động của cơ chế này đối với khả năng tiếp cận thị trường, yêu cầu tuân thủ và các chi phí liên quan. Hướng dẫn này được thiết kế như một tài liệu tham khảo thực tiễn cho các nhà xuất khẩu: người đọc có thể nghiên cứu toàn bộ nội dung một cách tuần tự hoặc tra cứu trực tiếp các nội dung quan tâm. Hướng dẫn này chỉ mang tính chất hỗ trợ tham khảo, không thay thế cho các thông tin liên quan đến CBAM do Ủy ban Châu Âu công bố.

Khi EU CBAM bước vào giai đoạn vận hành chính thức, cơ chế này không còn chỉ dừng ở yêu cầu báo cáo thông tin mà đã chuyển sang áp dụng các nghĩa vụ tuân thủ mang tính bắt buộc kèm theo các chi phí tài chính thực tế. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu trong lĩnh vực sắt thép, nhôm, xi măng, phân bón, điện và hydro, đây là một thay đổi mang tính cấu trúc: nếu không cung cấp dữ liệu phát thải thực tế đã được thẩm định, doanh nghiệp có thể phải chịu chi phí CBAM cao hơn đáng kể và suy giảm khả năng cạnh tranh tại thị trường EU. Đồng thời, các chính sách định giá các-bon trong nước của các quốc gia xuất khẩu cũng mở ra cơ hội để giảm chi phí CBAM trong những năm tới.

Từ tháng 1 năm 2026, EU bắt đầu áp dụng ba nghĩa vụ tuân thủ cốt lõi nhằm đảm bảo hàng hóa nhập khẩu thuộc phạm vi CBAM sẽ phải chịu mức chi phí các-bon tương đương với hàng hóa sản xuất trong EU.

1. Chỉ các “Bên khai báo CBAM được cấp phép” (Authorised CBAM Declarants) mới được phép nhập khẩu hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM vào EU và phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo hằng năm.
2. Lượng phát thải hàm chứa (embedded emissions) trong hàng hóa nhập khẩu phải được báo cáo dựa trên dữ liệu thực tế (actual values) hoặc theo các giá trị cường độ phát thải mặc định (default values) do EU quy định. Bên cạnh đó, các dữ liệu do doanh nghiệp tự khai báo là không đủ. Tất cả dữ liệu được báo cáo là “phát thải hàm chứa thực tế” phải được tính toán theo phương pháp do EU quy định, và được xác minh bởi tổ chức thẩm định độc lập được EU công nhận. Đối với hầu hết các nhóm sản phẩm cho từng quốc gia, EU đã xây dựng và công bố các giá trị mặc định tương ứng.
3. Các nhà nhập khẩu phải mua chứng chỉ CBAM (CBAM certificates) từ cơ quan có thẩm quyền để bù đắp lượng phát thải hàm chứa trong hàng hóa nhập khẩu. Giá của các chứng chỉ này được liên kết với giá hạn ngạch trong Hệ thống Giao dịch Phát thải của EU (EU ETS).



Sử dụng giá trị phát thải mặc định so với giá trị phát thải thực tế

Giá trị mặc định là các hệ số cường độ phát thải do Ủy ban Châu Âu thiết lập cho từng nhóm sản phẩm và quốc gia xuất xứ. Việc lựa chọn sử dụng giá trị mặc định do EU quy định thay vì dữ liệu phát thải thực tế do nhà sản xuất cung cấp có tác động đáng kể đến chi phí mà doanh nghiệp phải chịu. Các giá trị mặc định này đã được chủ ý thiết lập ở mức cao và sẽ ngày càng bất lợi đối với các nhà xuất khẩu không cung cấp được dữ liệu đã được thẩm định.

Các giá trị mặc định được xây dựng theo hướng thận trọng và tăng dần theo thời gian: tăng 10% vào năm 2026, 20% vào năm 2027 và 30% từ năm 2028 trở đi.¹ Trong trường hợp không xác định được quốc gia xuất xứ, EU sẽ áp dụng mức giá trị mặc định “quốc gia khác” cao hơn đáng kể. Do đó, một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định chi phí CBAM là việc nhà xuất khẩu có cung cấp được dữ liệu phát thải thực tế đã được xác minh hay không. Việc phụ thuộc vào các giá trị mặc định dự kiến sẽ làm chi phí tăng đáng kể theo thời gian.

Vì vậy, đầu tư vào hệ thống đo đạc – báo cáo – thẩm định (MRV) để đáp ứng yêu cầu báo cáo phát thải thực tế theo CBAM cần được xem là một ưu tiên mang tính cạnh tranh. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, các nhà sản xuất cũng sẽ cần yêu cầu các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào triển khai hệ thống MRV tương tự để có thể theo dõi và báo cáo đầy đủ lượng phát thải hàm chứa trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Ví dụ, đối với thép cán phẳng (Danh mục kết hợp [CN] 7210) từ Việt Nam, mặc dù tổng thể tác động của CBAM là tương đối hạn chế, chỉ khoảng 0,7% tổng kim ngạch xuất khẩu thuộc phạm vi điều chỉnh của EU CBAM, nhưng khoảng 20% lượng thép của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường EU (trung bình giai đoạn 2022–2024).² Theo giá trị mặc định riêng cho Việt Nam áp dụng năm 2026, chi phí CBAM đối với thép cán phẳng nhập khẩu vào EU vào khoảng 87 EUR/tấn, tương đương mức thuế nhập khẩu theo tỷ lệ giá trị hàng hóa (ad-valorem tariff) khoảng 12%. Trong hầu hết các trường hợp, việc cung cấp dữ liệu phát thải thực tế được thẩm định sẽ giúp doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam giảm đáng kể chi phí CBAM.

Xu hướng gia tăng chi phí CBAM

Tác động tài chính của CBAM được dự báo sẽ gia tăng đáng kể trong thập kỷ tới do hai yếu tố chính. Thứ nhất, việc loại bỏ dần phân bổ miễn phí (free allocation) trong EU ETS, dự kiến hoàn tất vào năm 2034, sẽ làm tăng tỷ lệ phát thải của hàng hóa nhập khẩu phải chịu chi phí CBAM. Thứ hai, giá các-bon tại EU dự kiến sẽ tăng từ khoảng 80 EUR/tấn vào năm 2025 lên 150–200 EUR/tấn vào năm 2034 (theo dự báo của BloombergNEF, Independent Commodity Intelligence Services [ICIS]). Hai xu hướng này sẽ khiến CBAM chuyển từ mức chi phí tương đối thấp ban đầu sang mức chi phí đáng kể trong những năm tới.

¹ Ngoại trừ lĩnh vực phân bón được áp dụng mức điều chỉnh tăng là 1% cho tất cả các năm.

² Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả dựa trên BACI (2025); Phụ lục I của Quy định (EU) 2023/956 về thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon.



Khấu trừ chi phí các-bon đã nộp trong nước

Chi phí các-bon đã được thanh toán tại quốc gia xuất xứ của hàng hóa có thể được khấu trừ khỏi nghĩa vụ CBAM. Quy định này nhằm tránh việc tính phí hai lần cho cùng một lượng phát thải. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu giữ đầy đủ hồ sơ, chứng từ về chi phí các-bon đã chi trả và sẵn sàng cung cấp các thông tin này cho mục đích tuân thủ CBAM. Tuy nhiên, tại thời điểm ban hành tài liệu này, Ủy ban Châu Âu vẫn chưa công bố chi tiết về các loại chi phí các-bon đủ điều kiện được khấu trừ cũng như phương pháp tính mức khấu trừ cụ thể. Tháng 5 năm 2026, Ủy ban Châu Âu đã ban hành dự thảo Quy định thực thi nhằm quy định các loại chi phí các-bon đủ điều kiện được khấu trừ và phương pháp tính toán mức khấu trừ. Quy định này hiện chưa chính thức có hiệu lực và các quy định chi tiết vẫn có thể thay đổi trong quá trình hoàn thiện (xem Hộp 1 tại Mục 8).

Tác động đối với năng lực cạnh tranh

- Tính minh bạch của chuỗi cung ứng ngày càng quan trọng: Để sử dụng giá trị phát thải thực tế cho các hàng hóa phức tạp, doanh nghiệp xuất khẩu phải có được dữ liệu phát thải đã được thẩm định từ các nhà cung cấp thượng nguồn. Trong trường hợp không thể cung cấp dữ liệu này, các giá trị mặc định sẽ được áp dụng.
- Mức độ tương thích của cơ chế định giá các-bon có ý nghĩa quan trọng: Nghĩa vụ CBAM có thể được giảm bớt nếu giá các-bon đã được thanh toán hiệu quả tại quốc gia xuất xứ thông qua các cơ chế như hệ thống giao dịch phát thải hoặc thuế các-bon.
- Doanh nghiệp tiên phong sẽ có lợi thế cạnh tranh: Các doanh nghiệp sở hữu dữ liệu phát thải đáng tin cậy và được thẩm định sẽ có chi phí tuân thủ thấp hơn và duy trì lợi thế cạnh tranh tại thị trường EU.

Các hành động ưu tiên đối với doanh nghiệp

Các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM sang thị trường EU cần chủ động triển khai sớm và đồng bộ các biện pháp trong ba giai đoạn nhằm giảm thiểu chi phí CBAM. Các bước triển khai chi tiết cho từng nhóm hành động được trình bày tại Mục 10 của tài liệu hướng dẫn này.

Giai đoạn 1: Chuẩn bị và đánh giá khoảng trống

Doanh nghiệp xuất khẩu cần:

- xác nhận rằng nhà nhập khẩu tại EU đã được cấp hoặc đã đăng ký xin cấp tư cách “Bên khai báo CBAM được cấp phép”;
- thiết lập hệ thống MRV sẵn sàng bằng cách tiến hành phân tích khoảng trống trong giám sát phát thải hiện tại so với các yêu cầu của EU và phối hợp với tổ chức thẩm định được EU công nhận để thực hiện thẩm định trước các dữ liệu của năm 2025;
- đảm bảo dữ liệu và hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) có thể tạo lập, lưu trữ và truy xuất đầy đủ dữ liệu phát thải theo đúng định dạng và yêu cầu kiểm tra của các tổ chức thẩm định của EU.



Giai đoạn 2: Triển khai vận hành

Doanh nghiệp xuất khẩu cần:

- bảo mật dữ liệu phát thải thực tế được thẩm định từ các nhà cung cấp nguyên liệu và đầu vào liên quan;
- lưu trữ đầy đủ hồ sơ về các khoản chi phí các-bon đã thanh toán thành công tại quốc gia xuất xứ để hỗ trợ các yêu cầu khấu trừ về sau;
- nộp báo cáo CBAM đã được thẩm định đối với lượng phát thải năm 2026 cho Hệ thống đăng ký CBAM trước thời hạn theo luật định là ngày 30 tháng 9 năm 2027.

Giai đoạn 3: Thực hiện khử các-bon theo định hướng chiến lược và theo dõi các diễn biến chính sách

Trong dài hạn, doanh nghiệp xuất khẩu nên:

- xây dựng kế hoạch kinh doanh và tài chính cho các khoản đầu tư vào các công nghệ và quy trình sản xuất các-bon thấp;
- tiếp tục theo dõi các diễn biến chính sách và quy định của EU, bao gồm khả năng mở rộng phạm vi áp dụng của CBAM sang các sản phẩm và các loại phát thải khác.



Mục lục

1.0 Giới thiệu	1
2.0 Bối cảnh thương mại của EU đối với ngành sắt thép và nhôm	5
3.0 EU CBAM chuyển sang giai đoạn chính thức	8
4.0 Tính toán chi phí CBAM	10
4.1 Công thức tính cơ bản	10
4.2 Chứng chỉ CBAM	12
4.3 FAA và các định mức phát thải	13
5.0 Xác định phát thải hàm chứa	20
5.1 Phương pháp xác định phát thải hàm chứa	21
5.2 Các ví dụ minh họa	29
6.0 Báo cáo	33
7.0 Thẩm định.....	34
8.0 Giảm trừ nghĩa vụ đối với giá các-bon đã chi trả.....	37
8.1 Phương pháp luận	37
8.2 Mức độ ảnh hưởng.....	40
9.0 Các nguồn lực sẵn có cho doanh nghiệp	41
10.0 Danh mục kiểm tra (checklist) CBAM dành cho doanh nghiệp.....	43
Tài liệu tham khảo	45
Phụ lục 1. So sánh các bước đo lường phát thải theo Ví dụ 1 và 2 của Mục 5.2.....	49



Danh sách hình vẽ

Hình 1. Tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa thuộc phạm vi EU CBAM (trung bình hằng năm giai đoạn 2022–2024)	2
Hình 2. Hệ số CBAM.....	16
Hình 3. Các bước xác định phát thải hàm chứa theo EU CBAM	21
Hình 4. Phương pháp luận tính toán phát thải hàm chứa thực tế.....	25
Hình 5. Các mức cộng thêm áp dụng đối với giá trị mặc định theo thời gian.....	28

Danh sách các bảng

Bảng 1. So sánh những thay đổi giữa giai đoạn chuyển tiếp và giai đoạn chính thức của EU CBAM	3
Bảng 2. So sánh tác động chi phí của chứng chỉ CBAM đối với 1 tấn CN 7210 từ Việt Nam.	18
Bảng 3. Nghĩa vụ tài chính đối với phát thải trực tiếp và gián tiếp trong năm 2026	22
Bảng 4. So sánh giữa hàng hóa CBAM đơn giản và phức tạp	24
Bảng 5. So sánh các giá trị mặc định CBAM đối với các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng ≥ 600 mm, được phủ, mạ hoặc tráng (CN 7210), đối với một số quốc gia lựa chọn	28
Bảng 6. Ví dụ về mức độ trọng yếu của phát thải từ sản xuất lò cao.....	29
Bảng 7. Hệ số phát thải trên mỗi tấn sản phẩm	32
Bảng 8. Các yếu tố chính trong báo cáo phát thải của cơ sở vận hành.....	33
Bảng A.1: Ví dụ tính toán cụ thể về lượng phát thải hàm chứa thực tế cho một tấn thép CN 7207 từ Việt Nam: Lộ trình lò cao – lò thổi ô-xy (BF-BOF) so với lộ trình lò hồ quang điện (EAF)	49

Danh sách các hộp

Hộp 1. Dự thảo hiện đang được đưa ra thảo luận: cách EU dự kiến ghi nhận các khoản giá các-bon đã nộp ở nước ngoài (tháng 5 năm 2026).....	39
--	----



Thuật ngữ

Bên khai báo CBAM được cấp phép	Là nhà nhập khẩu được cơ quan thẩm quyền quốc gia tại một quốc gia thành viên EU cấp phép để nhập khẩu hàng hóa thuộc phạm vi CBAM vào EU trong giai đoạn chính thức.
Chứng chỉ CBAM	Một loại chứng chỉ kỹ thuật số tương ứng với 1 tấn khí CO ₂ phát thải hàm chứa.
Mã CN (Combined Nomenclature)	Hệ thống phân loại 8 chữ số được EU sử dụng cho mục đích hải quan và thương mại theo Hệ thống hài hòa (Harmonized System) của Tổ chức Hải quan Thế giới.
Giá trị mặc định	Giá trị do Ủy ban Châu Âu tính toán về cường độ phát thải, được sử dụng khi không có dữ liệu phát thải hàm chứa.
Phát thải trực tiếp	Phát thải từ các quá trình sản xuất hàng hóa, bao gồm cả phát thải từ việc sản xuất nhiệt và làm mát được tiêu thụ trong quá trình sản xuất.
Phát thải hàm chứa	Lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp được giải phóng trong quá trình sản xuất hàng hóa và các tiền chất của chúng.
Hệ thống Trao đổi Hạn ngạch Phát thải	Hệ thống “giới hạn và giao dịch” của EU, trong đó đặt ra hạn mức cho tổng lượng khí nhà kính mà các cơ sở sản xuất thuộc phạm vi điều chỉnh trong EU có thể phát thải trong một năm cụ thể.
Phát thải gián tiếp	Phát thải từ quá trình sản xuất điện được tiêu thụ trong quá trình sản xuất hàng hóa.
Cơ sở	Một đơn vị kỹ thuật cố định nơi thực hiện một hoặc nhiều hoạt động sản xuất hàng hóa thuộc phạm vi CBAM.
Quy tắc Nung chảy và Đổ khuôn (Melt and Pour)	Một quy tắc xuất xứ đối với các sản phẩm thép, được xác định bởi địa điểm nơi thép thô lần đầu tiên được sản xuất dưới dạng lỏng.
NAB (Cơ quan Công nhận Quốc gia)	Cơ quan quốc gia tại một quốc gia thành viên EU chịu trách nhiệm cấp chứng nhận công nhận cho các đơn vị thẩm định (verifiers).



NCA (Cơ quan Thẩm quyền Quốc gia)

Cơ quan được mỗi quốc gia thành viên EU chỉ định để quản lý các bên khai báo CBAM và giám sát việc tuân thủ quy định.

Tiền chất

Một loại hàng hóa đơn giản hoặc phức tạp có chứa lượng phát thải hàm chứa (embedded emissions) và được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất một loại hàng hóa phức tạp khác.



1.0 Giới thiệu

Các nội dung chính

- Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon (CBAM) chuyển từ giai đoạn chỉ yêu cầu báo cáo sang giai đoạn áp dụng nghĩa vụ tài chính và tuân thủ bắt buộc kể từ năm 2026.
- Các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM bao gồm: sắt thép, nhôm, xi măng, phân bón, hydro và điện.
- Riêng hai lĩnh vực sắt thép và nhôm chiếm khoảng 85% tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa thuộc phạm vi CBAM vào EU.
- CBAM được xây dựng nhằm hạn chế nguy cơ rò rỉ các-bon bằng cách bảo đảm hàng hóa nhập khẩu phải chịu mức chi phí các-bon tương đương với hàng hóa được sản xuất tại EU.
- Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, dữ liệu phát thải và sự phối hợp với đối tác nhập khẩu tại EU hiện trở thành các yếu tố mang tính thương mại và chiến lược cốt lõi.

EU CBAM có hiệu lực vào năm 2023. Tuy nhiên, từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2025, EU CBAM vẫn đang trong “giai đoạn chuyển tiếp”, theo đó các nhà nhập khẩu tại EU mới chỉ phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo về lượng phát thải hàm chứa trong hàng hóa nhập khẩu. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, EU CBAM bước sang giai đoạn vận hành chính thức. Trong giai đoạn này, các nghĩa vụ tài chính bắt đầu được áp dụng đối với hàng hóa thuộc phạm vi CBAM nhập khẩu vào EU.

Tài liệu này là hướng dẫn kỹ thuật cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa thuộc phạm vi CBAM sang thị trường EU. Tài liệu trình bày các quy định áp dụng trong giai đoạn chính thức của CBAM và phân tích các tác động liên quan đến khả năng tiếp cận thị trường, nghĩa vụ tuân thủ và các chi phí phát sinh. Mục tiêu là cung cấp hướng dẫn thực tiễn cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM sang EU để thích ứng với các quy định mới. Hướng dẫn có thể được đọc theo trình tự hoặc tra cứu trực tiếp theo từng nội dung quan tâm cụ thể.

Mặc dù đã nỗ lực đảm bảo tài liệu phản ánh chính xác các quy định do Ủy ban Châu Âu công bố, trách nhiệm pháp lý trong việc chứng minh tuân thủ quy định của EU vẫn thuộc về các bên chịu điều chỉnh. Ngoài ra, tại thời điểm công bố tài liệu này, một số văn bản hướng dẫn thực thi EU CBAM vẫn chưa được hoàn thiện. Do đó, doanh nghiệp xuất khẩu cần tiếp tục theo dõi các nguồn thông tin chính thức từ Ủy ban Châu Âu để cập nhật các quy định mới.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo và không cấu thành tư vấn pháp lý, tư vấn quy định hoặc tư vấn tuân thủ. Các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu và các bên tư vấn không nên sử dụng tài liệu này thay thế cho các văn bản pháp lý chính thức, hướng dẫn hoặc quyết định do Ủy ban Châu Âu ban hành, cũng như không thay thế cho tư vấn từ các chuyên gia pháp lý, kế toán hoặc cán bộ thẩm định đủ năng lực chuyên môn. Tổ chức Quốc tế về Phát triển Bền vững không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hành động hoặc quyết định nào được thực hiện dựa trên nội dung tài liệu này.

Tham khảo tài liệu chính thức tại cổng thông tin CBAM của Ủy ban Châu Âu: https://taxation-customs.ec.europa.eu/carbon-border-adjustment-mechanism_en



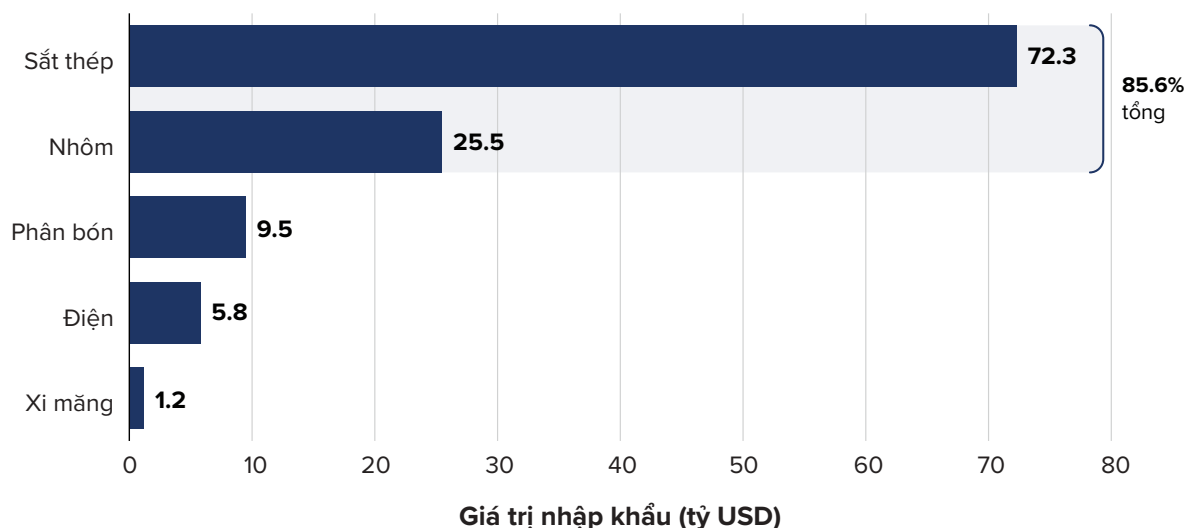
Mục tiêu của EU CBAM

Mục tiêu rõ ràng của EU khi triển khai CBAM là ngăn ngừa “rò rỉ các-bon” (tức là nguy cơ các doanh nghiệp chuyển hoạt động sản xuất sang các quốc gia có quy định khí hậu lỏng lẻo hơn nhằm tránh các chi phí phát thải các-bon), thông qua việc đảm bảo hàng hóa nhập khẩu phải chịu mức chi phí các-bon tương đương với hàng hóa được sản xuất trong EU.

EU CBAM áp dụng cho những hàng hóa nào?

EU CBAM áp dụng đối với một danh mục cụ thể **các sản phẩm thuộc các lĩnh vực sắt thép, nhôm, xi măng, phân bón, hydro và điện**. Danh mục sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh được xác định theo mã CN hải quan (Combined Nomenclature – hệ thống mã phân loại hàng hóa của Châu Âu) được quy định trong các văn bản pháp lý về CBAM.

Hình 1. Tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa thuộc phạm vi EU CBAM (trung bình hằng năm giai đoạn 2022–2024)



Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả dựa trên CEPII (2025); Phụ lục I của Quy định (EU) 2023/956 về thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon. Lưu ý: Khối lượng hydro nhập khẩu là không đáng kể.

Như minh họa tại Hình 1, sắt thép (72,3 tỷ USD) và nhôm (25,5 tỷ USD) chiếm khoảng 85,6% tổng giá trị nhập khẩu tại EU đối với các hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM (114,3 tỷ USD, trung bình hằng năm 2022–2024). Các lĩnh vực khác như phân bón (9,5 tỷ USD), điện (5,8 tỷ USD) và xi măng (1,2 tỷ USD), chiếm tỷ trọng nhỏ hơn đáng kể. Vì vậy, phần còn lại của tài liệu này tập trung vào hai lĩnh vực sắt thép và nhôm, là các nhóm ngành được xem là chịu tác động lớn nhất đối với doanh nghiệp xuất khẩu vào EU trong khuôn khổ CBAM.

Giai đoạn chính thức

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, EU CBAM đã bước vào giai đoạn chính thức, theo đó các nhà nhập khẩu sẽ phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo và thanh toán cho lượng phát thải các-bon



được thẩm định hàm chứa trong các hàng hóa nhập khẩu vào EU.³ Đối với các nhà xuất khẩu hàng hóa CBAM sang EU, giai đoạn chính thức đồng nghĩa với việc gia tăng yêu cầu về dữ liệu và thẩm định nhằm báo cáo lượng phát thải thực tế, khả năng phát sinh thêm chi phí, nhưng cũng đồng thời mở ra cơ hội chứng minh hiệu suất phát thải thấp tại thị trường EU. Sự khác biệt giữa giai đoạn chuyển tiếp và giai đoạn chính thức được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. So sánh những thay đổi giữa giai đoạn chuyển tiếp và giai đoạn chính thức của EU CBAM

Nội dung	Giai đoạn chuyển tiếp	Giai đoạn chính thức
Bên khai báo CBAM được cấp phép	Không yêu cầu cấp phép	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2026, các nhà nhập khẩu phải nộp hồ sơ đăng ký trở thành “Bên khai báo CBAM được cấp phép”. Các doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đăng ký hợp lệ có thể tiếp tục nhập khẩu tạm thời cho đến khi có quyết định chính thức; trong khi đó, các doanh nghiệp chưa nộp hồ sơ đăng ký có nguy cơ bị gián đoạn hoạt động thương mại.
Giá trị mặc định	Các doanh nghiệp được khuyến khích chuyển từ sử dụng giá trị mặc định sang dữ liệu phát thải thực tế	Doanh nghiệp có thể lựa chọn sử dụng giá trị mặc định hoặc dữ liệu phát thải thực tế. Các giá trị mặc định đã được EU công bố theo quốc gia và loại sản phẩm cụ thể.
Tính toán phát thải hàm chứa thực tế	EU đã ban hành phương pháp luận để tính toán phát thải hàm chứa thực tế	Yêu cầu mới đối với dữ liệu phát thải hàm chứa là phải được thẩm định bởi tổ chức thẩm định được EU công nhận.
Báo cáo CBAM	Báo cáo theo quý	Báo cáo hằng năm; đối với hàng hóa nhập khẩu trong năm 2026, hạn nộp báo cáo là 30/09/2027
Chứng chỉ CBAM	Chưa được mở bán	Từ 01/01/2026, hàng hóa nhập khẩu thuộc phạm vi CBAM phát sinh nghĩa vụ tài chính; từ 01/02/2027, các Bên khai báo CBAM được cấp phép có thể mua chứng chỉ CBAM.

³ Danh mục đầy đủ các liên kết tới các tài liệu liên quan được trình bày trong phần tài liệu tham khảo của báo cáo này. Hiệu lực thi hành của Quy định CBAM của EU được quy định tại Điều 36 - Hiệu lực thi hành của Quy định thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (Quy định (EU) 2023/956, được sửa đổi bởi Quy định (EU) 2025/2083).



Nội dung	Giai đoạn chuyển tiếp	Giai đoạn chính thức
Khấu trừ chi phí các-bon đã thanh toán tại nước xuất xứ	Các Bên khai báo CBAM được khuyến khích nộp tài liệu chứng minh mức giá các-bon đã thanh toán.	Quy định cho phép giảm nghĩa vụ CBAM nếu doanh nghiệp đã trả chi phí các-bon tại nước xuất xứ và đáp ứng các điều kiện quy định. ⁴ Chi tiết hướng dẫn thực hiện vẫn đang được Ủy ban Châu Âu hoàn thiện. Dự thảo phương pháp luận đã được công bố vào tháng 5 năm 2026 (xem Hộp 1, Mục 8); các quy định cuối cùng dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026.
Ngưỡng áp dụng	CBAM chỉ áp dụng đối với các nhà nhập khẩu nhập trên 50 tấn hàng hóa thuộc phạm vi CBAM mỗi năm.	Không thay đổi.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả dựa trên Quy định (EU) 2023/956 về thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon.

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Phần 1 giới thiệu về CBAM và bối cảnh chính sách chung, bao gồm phạm vi, đối tượng và mục đích sử dụng. Phần 2 trình bày bối cảnh thương mại của EU đối với các mặt hàng thép và nhôm, cung cấp bối cảnh thị trường và chính sách mà CBAM áp dụng. Phần 3 phân tích quá trình chuyển từ giai đoạn chuyển tiếp sang giai đoạn chính thức, nêu bật những thay đổi chính mà doanh nghiệp cần chuẩn bị. Phần 4 giải thích phương pháp tính chi phí CBAM, bao gồm công thức cốt lõi, vai trò của Chứng chỉ CBAM và Điều chỉnh phân bổ miễn phí (FAA) cùng với các tiêu chuẩn áp dụng. Phần 5 trình bày phương pháp xác định phát thải hàm chứa- thông tin đầu vào quan trọng cho tính toán chi phí CBAM - bao gồm phương pháp luận, phạm vi phát thải, việc sử dụng các giá trị thực tế và giá trị mặc định, và các ví dụ minh họa đối với lò cao tích hợp và lò hồ quang điện (EAF). Phần 6 mô tả các nghĩa vụ báo cáo mà Bên khai báo CBAM được cấp phép phải đáp ứng và Phần 7 trình bày các yêu cầu về thẩm định và vai trò của tổ chức thẩm định được EU công nhận. Phần 8 đề cập đến các nội dung khấu trừ giá các-bon, giải thích phương pháp yêu cầu khấu trừ giá các-bon đã được thanh toán tại quốc gia xuất xứ và tác động thực tế của các khoản khấu trừ đó đối với trách nhiệm CBAM. Mục 9 cung cấp các nguồn thông tin và tài liệu hỗ trợ cho các doanh nghiệp, bao gồm hướng dẫn của Ủy ban Châu Âu và danh sách các Cơ quan có thẩm quyền quốc gia (NCA) của Quốc gia Thành viên EU chịu trách nhiệm quản lý CBAM. Phần 10 cung cấp danh mục kiểm tra (checklist) các bước chính mà doanh nghiệp cần thực hiện để chuẩn bị và tuân thủ giai đoạn chính thức của CBAM.

⁴ Quy định (EU) 2023/956 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 10 tháng 5 năm 2023 về thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon, Điều 9 (khấu trừ chi phí các-bon đã thanh toán tại quốc gia thứ ba), trong đó định nghĩa “giá các-bon” là một khoản tiền được thanh toán theo cơ chế thuế các-bon hoặc hệ thống giao dịch phát thải đối với lượng phát thải khí nhà kính hàm chứa trong hàng hóa, đồng thời quy định các điều kiện để được công nhận, bao gồm yêu cầu khoản chi phí này phải được thanh toán thực tế và không được hoàn lại hoặc bù trừ dưới bất kỳ hình thức nào.



2.0 Bối cảnh thương mại của EU đối với ngành sắt thép và nhôm

Các nội dung chính

- CBAM không phải là chính sách duy nhất mà các doanh nghiệp xuất khẩu sang EU cần theo dõi: ngành sắt thép và nhôm còn chịu tác động từ các chính sách thương mại và công nghiệp khác của EU.
- Đối với ngành thép, các biện pháp tự vệ thương mại mới dự kiến áp dụng từ năm 2026 có thể dẫn đến việc giảm hạn ngạch nhập khẩu, tăng thuế đối với lượng nhập khẩu vượt hạn ngạch và áp dụng quy tắc xuất xứ “nung chảy và đổ khuôn” (“melt and pour”).
- Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu thép có thể phải đồng thời đáp ứng các yêu cầu của CBAM và các biện pháp phòng vệ thương mại nghiêm ngặt hơn.
- Đối với ngành nhôm, EU đang tăng cường kiểm soát nhập khẩu, giám sát chặt chẽ hơn các nguyên liệu liên quan đến Nga và có thể xem xét áp dụng các hạn chế đối với các hoạt động xuất khẩu hoặc sử dụng nhôm phế liệu.
- Thông điệp thương mại ngày càng rõ ràng: khả năng tiếp cận thị trường EU đối với ngành thép và nhôm đang bị siết chặt trên nhiều phương diện cùng một lúc.

Ngoài các nghĩa vụ tuân thủ trực tiếp theo CBAM, các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm thép và nhôm sang EU cũng cần theo dõi các diễn biến liên quan trong chính sách thương mại của EU do các thay đổi này có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tiếp cận thị trường và chi phí thương mại.

Các biện pháp đối với ngành thép

Ngày 7 tháng 10 năm 2025, Ủy ban Châu Âu đã công bố đề xuất về cơ chế phòng vệ mới đối với thép nhằm thay thế các biện pháp phòng vệ hiện hành dự kiến sẽ hết hiệu lực vào tháng 6 năm 2026.⁵ Theo đề xuất mới, hạn ngạch nhập khẩu thép hiện tại sẽ giảm 47%, xuống còn 18,3 triệu tấn mỗi năm, trong khi mức thuế nhập khẩu áp dụng với lượng nhập khẩu vượt hạn ngạch (ad valorem out-of-quota tariff) sẽ tăng từ 25% lên 50%. Biện pháp phòng vệ đối với ngành thép ban đầu của EU đã được ban hành vào năm 2018 nhằm đối phó với các biện pháp thuế quan của Hoa Kỳ. Theo quy định của WTO, thời hạn tối đa cho các biện pháp phòng vệ là 8 năm, do đó EU không thể kéo dài cơ chế hiện tại và đang đề xuất thay thế bằng một cơ chế mới nhằm đưa thị phần thép nhập khẩu về mức năm 2013.

Ngoài các biện pháp thuế quan nghiêm ngặt hơn, đề xuất mới còn đưa ra quy tắc “nung chảy và đổ khuôn”. Theo đó, xuất xứ của một sản phẩm thép được xác định dựa trên địa điểm nơi thép thô lần đầu tiên được sản xuất ở trạng thái lỏng, bất kể các công đoạn cán hoặc hoàn thiện sau đó được thực hiện ở đâu. Theo các đề xuất hiện tại, yêu cầu đối với nhà nhập khẩu

⁵ Theo Đề xuất số COM(2025)726 final do Ủy ban Châu Âu ban hành. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:52025PC0726>.



trong việc cung cấp bằng chứng về quốc gia “nung chảy và đổ khuôn” sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

Quy tắc “nung chảy và đổ khuôn” sẽ được sử dụng để xác định điều kiện hưởng hạn ngạch theo từng quốc gia trong khuôn khổ cơ chế phòng vệ mới của EU. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm thép sang EU sẽ phải chứng minh xuất xứ hàng hóa theo hai phương pháp khác nhau: một là theo góc độ hải quan (được sử dụng cho mục đích CBAM của EU) và một là theo quy tắc “nung chảy và đổ khuôn” trong đề xuất biện pháp phòng vệ đối với thép.

Đề xuất này đã đạt được đồng thuận chính trị vào ngày 13 tháng 4 năm 2026. Các bước phê duyệt chính thức cuối cùng từ các quốc gia thành viên EU và Nghị viện Châu Âu dự kiến phải hoàn tất trước ngày 1 tháng 7 năm 2026. Các kết quả đàm phán với các đối tác thương mại liên quan về từng hạn ngạch cụ thể sẽ được Ủy ban Châu Âu cụ thể hóa thông qua các quy định thực thi được ban hành sau đó.

Biện pháp đối với ngành nhôm

Các hạn chế thương mại mới cũng đang dần được áp dụng đối với ngành nhôm tại EU, tuy nhiên, thông qua các công cụ chính sách khác so với ngành thép. Trong Kế hoạch hành động về thép và kim loại (Steel and Metals Action Plan) ngày 19 tháng 3 năm 2025, Ủy ban Châu Âu đã xác định nhôm là một lĩnh vực cần được quan tâm khẩn cấp, đồng thời chỉ ra rằng các nhà sản xuất của EU đã mất thị phần đáng kể trong thập kỷ qua, khoảng 50% công suất sản xuất nhôm nguyên sinh của EU đã bị cắt giảm kể từ năm 2021, và nguy cơ chuyển hướng thương mại gia tăng sau khi Hoa Kỳ áp dụng các mức thuế mới đối với nhôm. Ủy ban Châu Âu cũng cho biết đã bắt đầu thu thập bằng chứng để xem xét sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại, bao gồm cả khả năng tiến hành điều tra phòng vệ, và sẵn sàng hành động ngay khi nhận được đề nghị có căn cứ từ ngành công nghiệp.

Đồng thời, EU cũng siết chặt các hạn chế đối với nhôm có nguồn gốc từ Nga. Trước đó, các sản phẩm nhôm đã qua chế biến, có nguồn gốc từ Nga đã bị hạn chế nhập khẩu; tiếp theo, gói trừng phạt thứ 16 của EU ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2025 đã bổ sung lệnh cấm nhập khẩu nhôm nguyên sinh từ Nga, kèm theo cơ chế hạn ngạch nhằm hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi nguồn cung thuận lợi hơn. Điều này đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp nhập khẩu nhôm tại EU có thể phải đối mặt với áp lực ngày càng lớn trong việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu từ Nga và tăng cường yêu cầu về truy xuất và chứng minh xuất xứ.

Một diễn biến quan trọng khác liên quan đến phế liệu nhôm. Ủy ban Châu Âu đã công khai nhấn mạnh rằng việc đảm bảo nguồn cung phế liệu nhôm trong thị trường EU có ý nghĩa chiến lược đối với quá trình khử các-bon, và dự định xây dựng một công cụ mới nhằm ngăn chặn tình trạng thất thoát phế liệu nhôm ra khỏi Châu Âu. Quá trình tham vấn có mục tiêu với các bên liên quan đã xác nhận rằng biện pháp này đang được chuẩn bị trong khuôn khổ Kế hoạch Hành động ResourceEU, với đề xuất dự kiến được công bố vào quý II năm 2026. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu và sản xuất, điều này cho thấy EU ngày càng nhìn nhận ngành nhôm không chỉ dưới góc độ định giá các-bon mà còn xét đến các mục tiêu về tự chủ công nghiệp, kinh tế tuần hoàn và đảm bảo an ninh nguồn cung.



Khác với ngành thép, hiện tại EU chưa áp dụng cơ chế phòng vệ nào đối với ngành nhôm. Trong Kế hoạch Hành động về thép và kim loại, Ủy ban Châu Âu cho biết đã bắt đầu thu thập bằng chứng liên quan đến việc sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại đối với nhôm, và sẵn sàng khởi động điều tra phòng vệ ngay khi nhận được đề nghị hợp lệ và có căn cứ từ ngành công nghiệp. Tại thời điểm soạn thảo tài liệu này, chưa có cuộc điều tra nào được chính thức khởi động. Tuy nhiên, định hướng chính sách chung cho thấy xu hướng tăng cường giám sát dòng chảy hàng nhập khẩu, mở rộng việc sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại và đẩy mạnh các biện pháp giữ lại phế liệu và vật liệu tái chế trong thị trường EU. Do đó, các nhà xuất khẩu sản phẩm nhôm sang EU cần tiếp tục theo dõi sát các biện pháp phòng vệ tiềm năng, các diễn biến về chống bán phá giá đối với nguyên liệu đầu vào, cũng như các chính sách mới liên quan đến nguồn cung nhôm phế liệu và chiến lược tìm nguồn cung ứng nguyên liệu.



3.0 EU CBAM chuyển sang giai đoạn chính thức

Các nội dung chính

- Việc EU CBAM chuyển sang giai đoạn chính thức (từ năm 2026) sẽ chấm dứt phần lớn tính linh hoạt của giai đoạn chỉ yêu cầu báo cáo trước đây và đưa ra các nghĩa vụ tuân thủ mới đối với nhà nhập khẩu.
- Việc nhập khẩu hàng hóa thuộc phạm vi CBAM vào EU chỉ được phép đối với các bên khai báo CBAM được cấp phép. Do đó, việc nhà nhập khẩu được cấp phép trở thành một nội dung thẩm định thương mại quan trọng, bao gồm việc xác định rõ nhà nhập khẩu đứng tên và trách nhiệm tuân thủ CBAM.
- Tuân thủ CBAM yêu cầu khai báo hàng năm và nộp lại chứng chỉ CBAM, qua đó phát sinh nghĩa vụ tài chính trực tiếp gắn với lượng phát thải hàm chứa của hàng hóa nhập khẩu.
- Hệ thống đăng ký CBAM là hạ tầng tuân thủ trung tâm, hỗ trợ cấp phép, báo cáo, xác minh và quản lý chứng chỉ, đồng thời đòi hỏi doanh nghiệp phải có các hệ thống phù hợp để tạo lập, lưu trữ và truyền tải dữ liệu liên quan.
- Mô-đun dành cho cơ sở sản xuất ngoài EU cho phép tải lên dữ liệu phát thải một lần và chia sẻ cho nhiều Bên khai báo tại EU, giúp giảm trùng lặp và gánh nặng hành chính.

Quá trình CBAM chuyển từ giai đoạn chỉ yêu cầu báo cáo (2023–2025) sang giai đoạn chính thức (từ năm 2026 trở đi) kéo theo một số thay đổi quan trọng đối với các yêu cầu áp dụng cho nhà nhập khẩu đứng tên đối với hàng hóa CBAM vào EU.⁶ Phần lớn tính linh hoạt của giai đoạn chuyển tiếp đã bị loại bỏ. Những thay đổi này cũng có những tác động đáng kể đối với các doanh nghiệp xuất khẩu.

Tư cách “Bên khai báo CBAM được cấp phép”

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, quyền nhập khẩu hàng hóa thuộc phạm vi CBAM vào EU chỉ được giới hạn đối với các nhà nhập khẩu đã được cấp tư cách “Bên khai báo CBAM được cấp phép”. Các nhà xuất khẩu không nên giao hàng cho đối tác tại EU nếu bên mua hoặc đại diện hải quan gián tiếp của họ chưa được cấp phép này, bởi điều đó có thể dẫn đến nguy cơ gián đoạn thương mại.⁷

⁶ Các quy định về giai đoạn chuyển tiếp của CBAM EU được quy định tại Quy định thực thi của Ủy ban Châu Âu (EU) 2023/1773 và các phụ lục liên quan.

⁷ Các nội dung chi tiết về Bên khai báo CBAM được cấp phép được quy định tại Chương II – Nghĩa vụ và quyền của Bên khai báo CBAM được cấp phép trong Quy định thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (Quy định (EU) 2023/956, được sửa đổi bởi Quy định (EU) 2025/2083 và Quy định thực thi (EU) 2025/2549 về sửa đổi và hiệu chỉnh các điều kiện và thủ tục liên quan đến tư cách Bên khai báo CBAM được cấp phép).



Hệ thống đăng ký CBAM và bảo mật dữ liệu

Hệ thống đăng ký CBAM là nền tảng lưu trữ duy nhất cho toàn bộ dữ liệu phục vụ tuân thủ CBAM. Khác với giai đoạn chuyển tiếp, khi hệ thống này chỉ phục vụ mục đích thu thập dữ liệu, trong giai đoạn chính thức, hệ thống đăng ký được sử dụng để quản lý và ghi nhận các nghĩa vụ tài chính thông qua việc phát hành, hoàn trả và hủy bỏ chứng chỉ CBAM. Đồng thời, hệ thống cũng được sử dụng để truyền tải dữ liệu phát thải đã được thẩm định.

Các nhà sản xuất ngoài EU nên cân nhắc việc sử dụng mô-đun dành cho cơ sở sản xuất ngoài EU⁸ trong Hệ thống đăng ký CBAM. Mô-đun này cho phép tải lên và chia sẻ dữ liệu về cơ sở sản xuất và phát thải cho nhiều bên khai báo khác nhau, thay vì phải gửi riêng lẻ cho từng bên.

Ủy ban Châu Âu cũng đã ban hành các quy định về việc bảo mật dữ liệu trong mô-đun dành cho nhà vận hành, bao gồm việc xử lý dữ liệu cá nhân theo Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của EU (General Data Protection Regulation – GDPR).⁹

⁸ Các mô-đun đào tạo có thể được tìm thấy tại Ủy ban Châu Âu, (2026e).

⁹ Tuyên bố về bảo vệ dữ liệu đối với Hệ thống đăng ký CBAM có thể được truy cập tại -Ủy ban Châu Âu, (2026f).



4.0 Tính toán chi phí CBAM

Các nội dung chính

- Nghĩa vụ CBAM của nhà nhập khẩu phụ thuộc vào lượng phát thải được phân bổ cho hàng hóa nhập khẩu sau khi áp dụng cơ chế điều chỉnh phân bổ miễn phí (FAA).
- Nghĩa vụ này sau đó được quy đổi thành chi phí tài chính thông qua giá của chứng chỉ CBAM, có tính đến khả năng khấu trừ chi phí các-bon đã thực trả tại quốc gia xuất xứ (nếu đủ điều kiện).
- Yếu tố mang tính thương mại quan trọng nhất thường là mức phát thải hàm chứa riêng của sản phẩm, vì đây là điểm mà các nhà sản xuất phát thải thấp có thể tạo lợi thế cạnh tranh.
- Đối với doanh nghiệp xuất khẩu, thông điệp rất rõ ràng: dữ liệu phát thải tốt hơn và cường độ phát thải thấp hơn thường sẽ giúp giảm mức độ chịu chi phí CBAM của bên mua tại EU.

Phần này giải thích cách tính chi phí CBAM. Các giá trị phát thải làm cơ sở cho việc tính toán, bao gồm dữ liệu thực tế đã được thẩm định hoặc giá trị mặc định, sẽ được trình bày tại Phần 5.

Không phải toàn bộ lượng phát thải hàm chứa đều chịu chi phí CBAM ngay từ năm 2026. Để phù hợp với lộ trình cắt giảm dần phân bổ miễn phí cho các doanh nghiệp EU trong khuôn khổ Hệ thống giao dịch phát thải (ETS), nghĩa vụ CBAM cũng được áp dụng theo lộ trình tương tự.

4.1 Công thức tính cơ bản

Để tính toán số lượng chứng chỉ CBAM cần mua cho một lô hàng nhất định, cần lấy tổng lượng phát thải hàm chứa (tính bằng tấn CO₂td), sau khi đã điều chỉnh theo mức phân bổ miễn phí ở EU, nhân với giá hạn ngạch trong EU ETS, đồng thời tính đến bất kỳ khoản chi phí các-bon nào đã được thanh toán tại quốc gia xuất xứ.¹⁰

Trong thực tế, một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chi phí là việc lượng phát thải hàm chứa được tính dựa trên dữ liệu thực tế đã được thẩm định hay sử dụng theo giá trị cường độ phát thải mặc định. Các giá trị mặc định được ước tính theo hướng thận trọng và việc sử dụng chúng có thể làm tăng đáng kể nghĩa vụ CBAM (xem Phần 5.2).

¹⁰ Nội dung này được quy định tại Điều 6 của Quy định thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (Quy định (EU) 2023/956, được sửa đổi bởi Quy định (EU) 2025/2083) và được hướng dẫn chi tiết hơn thông qua các Quy định thực thi của Ủy ban Châu Âu: (EU) 2025/2547 về phương pháp tính toán phát thải hàm chứa trong hàng hóa; (EU) 2025/2548 về tính toán và công bố giá chứng chỉ CBAM; và (EU) 2025/2620 về tính toán điều chỉnh phân bổ miễn phí đối với số lượng chứng chỉ CBAM phải nộp lại.



Công thức 1.

$$\begin{aligned}
 & \left(\text{Phát thải hàm chứa thực tế (tCO}_2\text{/tấn hàng hóa)} - \left(\text{Hạn ngạch phân bổ miễn phí} \right) \right) - \\
 & \left(\left(\text{Giá các-bon đã thanh toán cho phát thải (€/tCO}_2\text{)} \times \text{Phát thải hàm chứa thực tế (tCO}_2\text{/tấn hàng hóa)} \right) \div \text{Giá chứng chỉ CBAM (€/tCO}_2\text{)} \right) \times \text{Khối lượng hàng hóa (tấn hàng hóa)} \\
 & = \text{Lượng chứng chỉ CBAM}
 \end{aligned}$$

Công thức cốt lõi trong Hình 2 (được xây dựng từ Quy định (EU) 2023/956 và các văn bản thực thi liên quan) giải thích cách tính số lượng chứng chỉ CBAM (NCBAM) cần thiết cho một lô hàng nhập khẩu. Về cơ bản, số lượng chứng chỉ CBAM cần thiết tương đương với số tấn phát thải hàm chứa trong lô hàng, sau khi điều chỉnh theo mức phân bổ miễn phí còn lại trong EU và chi phí các-bon đã thanh toán tại quốc gia xuất xứ. Sau khi xác định được số lượng chứng chỉ cần thiết, nhà nhập khẩu sẽ mua chứng chỉ CBAM với mức giá xấp xỉ giá hạn ngạch phát thải trong EU ETS tính trên mỗi tấn CO₂tđ (Phần 4.2 sẽ trình bày chi tiết hơn về chứng chỉ CBAM). Các thành phần chính trong công thức được định nghĩa như sau:

Phát thải hàm chứa riêng (Specific Embedded Emissions)

Phát thải hàm chứa riêng (SEE) là chỉ số thể hiện cường độ phát thải của hàng hóa CBAM, được đo bằng tấn CO₂ tương đương (CO₂tđ) trên mỗi tấn sản phẩm. Chi tiết phương pháp tính được trình bày tại Phần 5.

FAA

FAA thể hiện phần phát thải hàm chứa không phải chịu chi phí CBAM. Chỉ số này phản ánh mức phân bổ miễn phí mà một cơ sở sản xuất tương đương tại EU sẽ nhận được. FAA được xác định dựa trên Hệ số CBAM (CBAM Factor), Định mức CBAM (CBAM Benchmark) và Hệ số điều chỉnh liên ngành (Cross-sectoral Correction Factor - CSCF). Chi tiết được trình bày tại Phần 4.3.

Giảm trừ chi phí các-bon đã thanh toán

Theo Điều 9 của Quy định CBAM, các nhà nhập khẩu có thể được giảm nghĩa vụ CBAM tương ứng với phần chi phí các-bon đã thanh toán thành công tại quốc gia xuất xứ. Cơ chế này nhằm tránh việc áp dụng định giá các-bon hai lần cho cùng một lượng phát thải (chi tiết tại Phần 8).



4.2 Chứng chỉ CBAM

Các nội dung chính

- Chứng chỉ CBAM là công cụ tài chính mà nhà nhập khẩu phải mua từ cơ quan có thẩm quyền quốc gia để bù đắp lượng phát thải hàm chứa trong hàng hóa nhập khẩu; giá chứng chỉ CBAM được liên kết với giá trong EU ETS.
- Năm 2026, giá chứng chỉ CBAM được tính dựa trên giá đấu giá EU ETS trung bình theo quý; từ năm 2027 trở đi, giá sẽ được tính theo mức trung bình hằng tuần, khiến mức chi phí CBAM nhạy cảm hơn với biến động thị trường.
- Nhà nhập khẩu phải nộp lại số lượng chứng chỉ CBAM tương ứng trước ngày 30 tháng 9 hằng năm, bắt đầu từ năm 2027 đối với hàng hóa nhập khẩu trong năm 2026.
- Chứng chỉ CBAM không được giao dịch trên thị trường thứ cấp, do đó việc dự báo khối lượng nhập khẩu và phát thải trở nên quan trọng đối với quản lý dòng tiền của nhà nhập khẩu.

Giá của chứng chỉ CBAM được liên kết linh hoạt với EU ETS nhằm đảm bảo tính tương đương về định giá các-bon và ngăn chặn sự biến dạng thị trường nội khối EU. Quy định thực thi của Ủy ban Châu Âu 2025/2548 đưa ra các quy định tính toán như sau:

- **2026 (Năm đầu tiên):** Trong năm 2026, Ủy ban sẽ tính giá chứng chỉ dựa trên mức giá đấu giá hạn ngạch phát thải EU ETS trung bình theo quý. Cách tiếp cận này giúp tạo mức độ ổn định giá trong năm đầu tiên áp dụng nghĩa vụ tài chính.
- **Từ năm 2027 trở đi:** Giá chứng chỉ CBAM sẽ được tính theo mức giá trung bình hằng tuần của hạn ngạch EU ETS, khiến chi phí nhập khẩu gắn chặt hơn với biến động của thị trường các-bon EU.

Giá chứng chỉ sẽ được công bố trên trang web của Ủy ban Châu Âu và trong hệ thống đăng ký CBAM (CBAM Registry) vào ngày làm việc đầu tiên của kỳ tiếp theo. Các bên khai báo CBAM sẽ mua chứng chỉ này từ Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên EU tương ứng. Chứng chỉ CBAM khác với hạn ngạch phát thải ETS; chúng không được giao dịch trên thị trường thứ cấp và chỉ có hiệu lực trong thời hạn nhất định.

Định giá các-bon của EU

Mức giá các-bon của EU được xác định bởi cung và cầu trên thị trường đối với hạn ngạch phát thải EU (EUAs, mỗi đơn vị tương đương một tấn CO₂). Mức giá này đã biến động đáng kể kể từ khi được triển khai vào năm 2005. Năm 2018, EU đưa vào vận hành Cơ chế dự trữ ổn định thị trường (Market Stability Reserve), cho phép tự động điều chỉnh nguồn cung hạn ngạch phát thải dựa trên tổng số lượng hạn ngạch đang lưu hành trên thị trường.¹¹

¹¹ Đây là một phần của lần sửa đổi EU ETS năm 2018, được quy định tại Chỉ thị (EU) 2018/410 sửa đổi Chỉ thị (2003/87/EC) nhằm tăng cường giảm phát thải hiệu quả về chi phí và thúc đẩy đầu tư các-bon thấp, cùng với Quyết định (EU) 2015/1814.



Đến cuối năm 2021 và trong suốt năm 2022, giá EUA tăng lên trên 50 EUR/tấn và tiến gần mốc 100 EUR/tấn. Sau đó, giá giảm xuống khoảng 65 EUR/tấn vào năm 2024. Trong năm 2025, giá phục hồi và dao động khoảng 70–80 EUR/tấn vào cuối năm, và duy trì ở mức tương tự trong đầu năm 2026, với giá chứng chỉ CBAM do Ủy ban Châu Âu công bố cho quý I năm 2026 là 75,36 EUR/tấn.

Trong thời gian tới, giá các-bon của EU nhiều khả năng sẽ chịu tác động từ nhiều yếu tố khác nhau. Các yếu tố có xu hướng làm tăng giá hạn ngạch bao gồm việc cắt giảm nhanh nguồn cung phân bổ miễn phí và lộ trình siết chặt mức phát thải trần tổng thể. Ngược lại, các yếu tố có thể gây áp lực làm giảm giá bao gồm sức ép chính trị nhằm nói lỏng EU ETS, trong đó có các đề xuất từ một số quốc gia thành viên về việc trì hoãn lộ trình chấm dứt phân bổ miễn phí đối với các ngành phát thải cao hoặc làm chậm tiến độ thực hiện chính sách khí hậu do lo ngại về giá năng lượng cao và năng lực cạnh tranh. Kết quả của các xu hướng trái chiều này sẽ quyết định liệu giá các-bon của EU có tiếp tục tăng theo lộ trình dự kiến theo khung pháp lý hiện hành hay ổn định ở mức thấp hơn. Các dự báo cho thấy giá các-bon của EU vào năm 2034 có thể dao động trong khoảng từ 150 đến 200 EUR mỗi tấn các-bon.¹²

4.3 FAA và các định mức phát thải

Các nội dung chính

- Cơ chế FAA làm giảm tỷ lệ phát thải hàm chứa phải chịu chi phí CBAM trong giai đoạn bước đầu triển khai.
- FAA chủ yếu được xác định dựa trên các định mức được xây dựng từ EU ETS và hệ số CBAM.
- Hệ số CBAM tăng dần theo thời gian, dẫn đến nghĩa vụ CBAM gia tăng một cách cơ học qua từng năm.
- Các định mức phát thải khác nhau theo từng sản phẩm và, đối với nhiều sản phẩm thép và nhôm, sự khác nhau còn thể hiện qua công nghệ sản xuất.

Như được định nghĩa trong Mục 4.1, FAA đại diện cho phần phát thải hàm chứa không phải chịu chi phí CBAM, phản ánh lượng phân bổ miễn phí mà một cơ sở tương đương trong EU sẽ nhận được. FAA được xác định dựa trên hệ số CBAM, định mức CBAM và CSCF. Phân bổ miễn phí phát thải hàm chứa riêng (Specific Embedded Free Allocation - SEFA) đại diện cho định mức hạn ngạch các-bon trên một đơn vị của một loại hàng hóa cụ thể.

Xác định FAA

FAA được thiết kế nhằm phản ánh lượng phát thải vẫn được hưởng phân bổ hạn ngạch miễn phí trong EU ETS. FAA được khấu trừ khỏi nghĩa vụ CBAM nhằm bảo đảm hàng hóa

¹² Ví dụ: ABN AMRO (2025) ước tính mức giá khoảng 145 EUR/tCO₂ vào năm 2030 và 200 EUR/tCO₂ vào năm 2035, xem tại: <https://www.abnamro.com/research/en/our-research/esg-economist-scenarios-shaping-eu-ets-prices>



nhập khẩu được đối xử tương đương với hàng hóa sản xuất trong EU. FAA được xác định dựa trên các định mức CBAM được xây dựng từ các định mức sản phẩm cùng loại sử dụng trong EU ETS cho giai đoạn 2026–2030.¹³ Mức điều chỉnh đối với một loại hàng hóa cụ thể được tính như sau:

Công thức 2.

$$FAA_g = SEFA_{(g,y)} \times M_g$$

Trong đó, FAA đối với một hàng hóa CBAM cụ thể g được xác định bằng cách nhân SEFA, đại diện cho định mức hạn ngạch các-bon trên một đơn vị hàng hóa cụ thể, với tổng khối lượng (M_g) của hàng hóa đó được nhập khẩu trong năm báo cáo (y). Giá trị SEFA được sử dụng trong tính toán FAA có thể khác nhau tùy thuộc vào việc phát thải hàm chứa được xác định dựa trên dữ liệu thực tế đã được thẩm định hay các giá trị mặc định.¹⁴

Cần phân biệt giữa hàng hóa đơn giản và hàng hóa phức tạp:

- **hàng hóa đơn giản:** hàng hóa không bao gồm bất kỳ tiền chất nào được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định CBAM. Ví dụ: Nhôm nguyên sinh được sản xuất trực tiếp từ bauxite/alumina thô.
- **hàng hóa phức tạp:** hàng hóa được sản xuất sử dụng ít nhất một “tiền chất liên quan”, nghĩa là có tích hợp các hàng hóa thuộc danh mục CBAM khác trong quá trình sản xuất.

Đối với hàng hóa đơn giản, Phân bổ miễn phí phát thải hàm chứa cụ thể (SEFA) đại diện cho lượng phát thải hàm chứa trên mỗi tấn sản phẩm được miễn trừ khỏi nghĩa vụ CBAM nhằm đảm bảo hàng nhập khẩu được đối xử công bằng với các sản phẩm EU vẫn đang nhận phân bổ miễn phí trong hệ thống EU ETS. Giá trị này được xác định bằng cách nhân Hệ số CBAM ($CBAM_y$), đại diện cho tỷ lệ phân bổ miễn phí đang được áp dụng, với CSCF ($CSCF_y$) và định mức phát thải đặc thù theo sản phẩm (BM_g^*). Hệ số CBAM, định mức phát thải và CSCF sẽ được mô tả chi tiết hơn trong Công thức 2.

Công thức 3.

$$SEFA_{g,y} = SFA_{Proc,g,y} = CBAM_y \times CSCF_y \times BM_g^*$$

Đối với hàng hóa phức tạp, SEFA được tính bằng cách kết hợp phần phân bổ miễn phí theo công đoạn sản xuất cuối cùng với tổng có trọng số của các khoản phân bổ miễn phí đã được hàm chứa trong các tiền chất đầu vào. Điều này nhằm đảm bảo rằng tổng mức khấu trừ phản ánh đầy đủ cường độ các-bon của chuỗi cung ứng sản phẩm.

¹³ Thông tin chi tiết về Nhà khai báo CBAM được cấp phép được quy định tại Chương IV về Chứng chỉ CBAM trong Quy định thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (2023/956), được sửa đổi bởi Quy định (2025/2083).

¹⁴ Nội dung này được quy định trong [Quy định thực thi của Ủy ban Châu Âu \(EU\) 2025/2620 liên quan đến việc tính toán điều chỉnh phân bổ miễn phí đối với số lượng chứng chỉ CBAM phải nộp](#). Cần đặc biệt lưu ý Phụ lục của Quy định này, trong đó bao gồm các phép tính được trình bày trong mục này cũng như các giá trị định mức CBAM.



Công thức 4.

$$SEFA_{g,y} = SFA_{Proc,g,y} + \sum_{i=1,...,n} m_{i,y} \times SEFA_{i,y_i}$$

Các thành phần của công thức này bao gồm:

- phân bổ miễn phí cụ thể theo công đoạn ($SFA_{Proc,g,y}$): Đại diện cho khoản giảm trừ đối với giai đoạn sản xuất cuối cùng của hàng hóa CBAM và được tính bằng cách nhân hệ số CBAM của năm báo cáo với CSCF và định mức liên quan đến công đoạn sản xuất (BM) của hàng hóa cụ thể đó.
- khối lượng tiền chất ($m_{i,y}$): Lượng nguyên liệu của từng tiền chất (i) được tiêu thụ để sản xuất một tấn thành phẩm cuối cùng (g). Giá trị này được xác định bằng cách chia tổng khối lượng tiền chất được sử dụng cho mức hoạt động (tổng sản lượng) của cơ sở trong kỳ báo cáo.
- phân bổ miễn phí phát thải hàm chứa của tiền chất ($SEFA_{g,y}$): Đây là giá trị phân bổ miễn phí trên một đơn vị đối với từng tiền chất (i) trong kỳ báo cáo (y) của tiền chất đó. Nếu một tiền chất bản thân nó cũng là hàng hóa phức tạp, thì SEFA của tiền chất đó phải được xác định thông qua cùng quy trình cho đến khi tất cả các tiền chất liên quan đã được tính đến.

Trong trường hợp không có dữ liệu thực tế đã được thẩm định đối với các tiền chất, các bên khai báo CBAM phải sử dụng các giá trị mặc định. Trong trường hợp đó, SEFA của hàng hóa phức tạp được đơn giản hóa thành phép nhân duy nhất giữa hệ số CBAM, CSCF và định mức CBAM mặc định được gán cho mã CN và công nghệ sản xuất tương ứng của sản phẩm CBAM. Điều này có ý nghĩa quan trọng vì việc xác định định mức CBAM phù hợp phụ thuộc vào việc nhận diện đúng công nghệ sản xuất áp dụng, đặc tính sản phẩm và các thông số khác phù hợp với định mức của EU ETS. Trong trường hợp có dữ liệu thực tế đã được thẩm định, các yếu tố này có thể được xác định chính xác hơn ở cấp cơ sở. Ngược lại, khi sử dụng các giá trị mặc định, việc áp dụng định mức dựa trên các giả định chuẩn hóa, bao gồm một quy trình sản xuất được xác định trước theo quốc gia xuất xứ. Do đó, mặc dù hệ thống định mức áp dụng không thay đổi, mức độ chi tiết trong việc áp dụng định mức, và vì vậy cả giá trị SEFA kết quả, có thể khác nhau giữa hai cách tiếp cận.

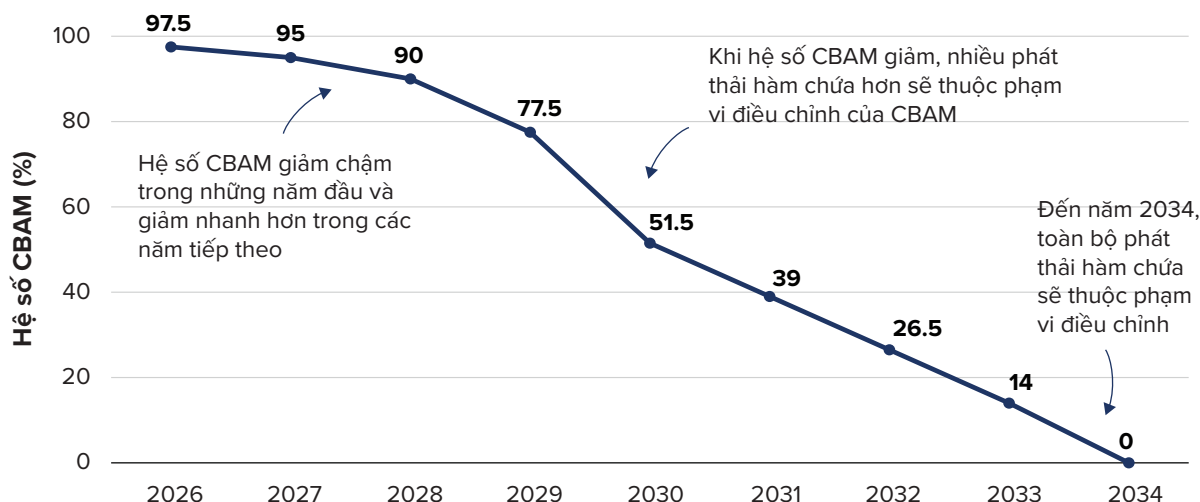
Hệ số CBAM

Hệ số CBAM ($CBAM_y$ trong công thức trên) là hệ số giảm được áp dụng đối với phân bổ miễn phí theo EU ETS và đối với FAA trong quá trình CBAM được triển khai theo lộ trình.¹⁵ Như minh họa tại Hình 3, đối với năm 2026, Hệ số CBAM là 97,5%, nghĩa là các nhà nhập khẩu được hưởng FAA bao phủ 97,5% cường độ phát thải định mức. Hệ số này sẽ giảm dần hàng năm, xuống còn 51,5% vào năm 2030 và 0% vào năm 2034, thời điểm mà FAA sẽ không còn được áp dụng và toàn bộ phát thải hàm chứa sẽ phải chịu chi phí CBAM.

¹⁵ Giải thích đầy đủ về sự khác biệt giữa hàng hóa đơn giản và hàng hóa phức tạp được trình bày tại Mục 4.2 của Tài liệu này.



Hình 2. Hệ số CBAM



Nguồn: Hình vẽ do Nhóm tác giả thực hiện, dựa trên Điều 10a(1a), Chỉ thị 2003/87/EC (được bổ sung bởi Điều 1(16) của Chỉ thị (EU) 2023/959); xem thêm Điều 31(1) của Quy định (EU) 2023/956.

Các giá trị định mức

Các định mức này (BM_g^* Công thức 2) được xây dựng từ EU ETS và được tính toán dựa trên hiệu suất phát thải khí nhà kính (KNK) trung bình của 10% cơ sở có cường độ phát thải KNK thấp nhất trong EU đối với một sản phẩm nhất định. Trong giai đoạn 2026–2033, các giá trị này đóng vai trò như mức “hạn ngạch phân bổ miễn phí” tương đương; các nhà nhập khẩu chỉ phải thanh toán đối với phần phát thải vượt quá định mức này, sau khi đã điều chỉnh theo hệ số CBAM.¹⁶

Các giá trị định mức có thể được tìm thấy trong Phụ lục của Quy định thực thi 2025/2620. Đối với mỗi mã CN, Quy định thực thi quy định thêm các yếu tố cần xem xét tùy thuộc vào công nghệ sản xuất của sản phẩm cụ thể.

CSCF

CSCF là hệ số giảm được áp dụng đối với các hạn ngạch phân bổ miễn phí trong EU. Theo EU ETS, có một mức trần đối với tổng số hạn ngạch phân bổ miễn phí dành cho ngành công nghiệp. Nếu tổng lượng phân bổ miễn phí được tính toán cho tất cả các cơ sở tại EU — dựa trên định mức sản phẩm và công suất lắp đặt — vượt quá mức trần pháp lý, Ủy ban Châu Âu sẽ áp dụng CSCF để giảm phân bổ của tất cả các cơ sở theo cùng một tỷ lệ phần trăm nhằm duy trì dưới mức giới hạn này. CSCF không phải là một giá trị cố định được công bố trước; hệ số này chỉ được sử dụng nếu tổng lượng phân bổ miễn phí được tính toán cho tất cả các cơ sở tại EU vượt quá mức trần hạn ngạch hiện có. CSCF đã không được kích hoạt trong giai đoạn 2021–2025. Đối với giai đoạn 2026–2030, Ủy ban Châu Âu đã thiết kế một vùng đệm

¹⁶ Các giá trị hệ số CBAM được quy định tại Điều 10a(1a) của Chỉ thị 2003/87/EC, được bổ sung bởi Điều 1(13) của Chỉ thị (EU) 2023/959. Lộ trình này bắt đầu từ mức 97,5% vào năm 2026 và giảm dần xuống 0% kể từ năm 2034. Nghĩa vụ áp dụng phần điều chỉnh phân bổ miễn phí tương ứng đối với chứng chỉ CBAM được quy định tại Điều 31(1) của Quy định (EU) 2023/956.



3% nhằm hạn chế khả năng phải kích hoạt hệ số điều chỉnh này, nghĩa là CSCF có thể duy trì ở mức 1,0 (không phải giảm hơn).

Ví dụ: Áp dụng mã CN 7210 cho một nhà xuất khẩu Việt Nam

Việt Nam là một ví dụ điển hình đối với các sản phẩm thép: khoảng 20% lượng thép xuất khẩu của nước này được xuất sang EU (2022-2024).¹⁷ Ví dụ dưới đây minh họa cách tính nghĩa vụ CBAM đối với một nhà xuất khẩu Việt Nam vận chuyển 1.000 tấn sản phẩm thép cán phẳng (CN 7210: các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng ≥ 600 mm, được phủ, mạ hoặc tráng) sang EU. Ví dụ giả định rằng dữ liệu phát thải thực tế ở cấp cơ sở không có sẵn, do đó nhà nhập khẩu phải sử dụng các giá trị cường độ phát thải mặc định.

Các tham số cơ sở

- **Hàng hóa:** CN 7210
- **Số lượng (Q):** 1.000 tấn.
- **Xuất xứ:** Việt Nam
- **Cường độ phát thải mặc định**, giá trị của Việt Nam cho năm 2026 = 2,607 tCO₂/t
- **Định mức CBAM (BM):** 1.491 tCO₂/t (quy trình sản xuất (C) — Lò cao/Lò thổi oxy cơ bản (BF/BOF) — áp dụng cho các sản phẩm thép không hợp kim của Việt Nam, bao gồm CN 7210, theo Phụ lục I của Quy định Thực hiện (EU) 2023/2621 khi sử dụng giá trị mặc định).
- **Hệ số CBAM (2026):** 97,5% (0,975).
- **Giá chứng chỉ trung bình theo quý (pCBAM):** €75,36 (mức trung bình quý I năm 2026, được công bố ngày 7 tháng 4 năm 2026).
- **Chi phí các-bon đã thanh toán tại quốc gia xuất xứ:** EUR 0 (Việt Nam chưa có cơ chế định giá các-bon được công nhận cho mục đích khấu trừ CBAM, tính đến tháng 3 năm 2026).
- **CSCF:** 1,0 (giả định).

Các bước tính toán

Tính FAA

$$SEFA = 1.491 \times 0.975 \times 1 = 1.454 \text{ tCO}_2\text{t}/\text{t}$$

$$FAA = 1.454 \times 1.000 \text{ tấn} = 1.454 \text{ tCO}_2\text{t}$$

Tính phát thải ròng chịu CBAM và số lượng chứng chỉ tương ứng

$$\text{Phát thải ròng chịu CBAM} = \text{Phát thải mặc định} - \text{FAA} = 2,607 - 1,454 = 1,153 \text{ tCO}_2\text{t} \rightarrow$$

Cần 1.153 chứng chỉ CBAM (1 chứng chỉ cho mỗi tCO₂t)

¹⁷ Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả dựa trên BACI (2025); Phụ lục I của Quy định (EU) 2023/956 thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon.



Tính nghĩa vụ tài chính cho toàn bộ lô hàng

Tổng chi phí cho 1000 tấn = $1,153 \times \text{EUR } 75.36 = \text{EUR } 86,890$

Trong kịch bản này, chi phí CBAM trên mỗi tấn sản phẩm nhập khẩu xấp xỉ **87 EUR**.

Theo lộ trình giá trị mặc định, quy trình sản xuất được sử dụng để xác định mức CBAM được xác định theo quốc gia xuất xứ, chứ không theo quy trình sản xuất thực tế của cơ sở. Theo Phụ lục I của Quy định Thực hiện (EU) 2025/2621, các sản phẩm thép không hợp kim của Việt Nam — bao gồm CN 7210 — được phân vào quy trình sản xuất (C) (BF/BOF). Điều này có nghĩa là, bất kể nhà sản xuất thép Việt Nam trên thực tế sử dụng BF/BOF hay DRI/EAF, cùng một giá trị phát thải mặc định và cùng một định mức CBAM vẫn được áp dụng. Vì vậy, các giá trị mặc định nêu trong Bảng 2 áp dụng cho tất cả nhà xuất khẩu thép Việt Nam theo lộ trình giá trị mặc định, bất kể quy trình sản xuất thực tế của họ.

Bảng 2. So sánh tác động chi phí của chứng chỉ CBAM đối với 1 tấn CN 7210 từ Việt Nam.

Chỉ số	Ví dụ 1 (Mặc định — áp dụng cho mọi quy trình sản xuất)	Ví dụ 2 (Giá trị thực tế, Phế liệu/EAF)
Cường độ phát thải		
SEE (tCO ₂ td/t)	2.607	0.62
SEFA (tCO ₂ td/t) ¹	1.454	0.109
Phát thải thuộc phạm vi CBAM ² (tCO ₂ td/t)	1.153	0.511
Chi phí CBAM		
Chi phí CBAM trên mỗi tấn (Q1, 2026, tính bằng EUR)	87	39
Chi phí trên mỗi tấn vào năm 2034, giả định giá các-bon €150/t (mức thấp của khoảng dự báo €150–200/t cho năm 2034, tính bằng EUR) ³	391	93
Mức thuế tương đương		
Mức tương đương thuế quan CBAM ad valorem (Quý 1, 2026)	~12%	~5%
Thuế tự vệ (vượt hạn ngạch) ⁴	25%	25%

Chú thích:

■ Cao ■ Trung bình ■ Thấp

¹ Phân bổ miễn phí tiêu chuẩn của Châu Âu.

² SEE trừ SEFA.

³ Chỉ là dự báo minh họa.

⁴ Mức thuế tự vệ thép ngoài hạn ngạch của EU.

Lưu ý về Ví dụ 1: Theo Phụ lục I của Quy định Thực hiện (EU) 2025/2621, thép không hợp kim của Việt Nam (bao gồm CN 7210) được phân loại theo quy trình sản xuất (C) (BF/BOF) cho mục đích xác định giá trị chuẩn CBAM. Do đó, các giá trị mặc định trên áp dụng cho tất cả các nhà xuất khẩu Việt Nam theo lộ trình giá trị mặc định, bất kể quy trình sản xuất thực tế của họ.



Đối với nhà xuất khẩu sử dụng các giá trị phát thải mặc định, riêng chi phí CBAM đã có thể ở mức đáng kể. Trong quý I năm 2026, theo lộ trình giá trị mặc định, chi phí CBAM đối với một nhà xuất khẩu thép cán phẳng của Việt Nam (CN 7210) vào khoảng EUR 87 cho mỗi tấn sản phẩm, tương đương khoảng 12% theo giá trị. Để so sánh, chính sách phòng vệ đối với thép hiện hành của EU áp dụng mức thuế đối với lượng nhập khẩu vượt hạn ngạch là 25% trong trường hợp hạn ngạch thuế quan liên quan đã bị sử dụng hết; trong trường hợp mức thuế này được áp dụng, chi phí đó sẽ phát sinh bổ sung bên cạnh nghĩa vụ CBAM.

Đến năm 2034, mức chi phí CBAM này tăng lên khoảng EUR 400–500 cho mỗi tấn sản phẩm, phản ánh tác động kết hợp của việc loại bỏ dần phân bổ miễn phí (hệ số CBAM đạt 0%) và xu hướng tăng dự kiến của giá các-bon trong EU lên khoảng EUR 150–200/t như đã nêu ở trên.

Ngược lại, khi sử dụng các giá trị thực tế, một số công nghệ sản xuất có mức phát thải thấp nhất có thể chỉ phải chịu chi phí CBAM khoảng ~EUR 40/tấn trong quý I năm 2026 và ~EUR 90/tấn vào năm 2034.



5.0 Xác định phát thải hàm chứa

Các nội dung chính

- Phát thải hàm chứa là đại lượng cốt lõi làm nền tảng cho CBAM, do đó phần này có ý nghĩa quan trọng đối với mức chi phí CBAM mà doanh nghiệp phải chịu.
- Phương pháp luận của EU tuân theo các quy tắc riêng của EU về giám sát và phân bổ phát thải và do đó, không thể được xem là tương đương hoàn toàn với các tiêu chuẩn báo cáo khác.
- Việc tính toán phát thải hàm chứa yêu cầu phải thực hiện giám sát ở cấp cơ sở, phân bổ cho các quy trình sản xuất và sau đó phân bổ cho hàng hóa.
- Các doanh nghiệp xuất khẩu thép và nhôm thường phải đối mặt với mức độ phức tạp cao hơn do nhiều sản phẩm được coi là hàng hóa phức tạp, đòi hỏi phải thu thập dữ liệu về cường độ phát thải của các nguyên liệu đầu vào.

Phần này trình bày cách xác định phát thải hàm chứa. Các giá trị phát thải này được sử dụng trực tiếp trong tính toán chi phí tại Phần 4.

Trọng tâm của nghĩa vụ CBAM là việc định lượng “phát thải hàm chứa”, tức lượng phát thải KNK được phân bổ cho quá trình sản xuất các hàng hóa thuộc phạm vi CBAM.¹⁸ Theo thời gian, tỷ trọng phát thải hàm chứa phải chịu chi phí CBAM sẽ ngày càng tăng. Do đó, các nhà sản xuất có cường độ phát thải thấp sẽ ngày càng có lợi thế quan trọng so với các đối thủ có mức phát thải cao hơn.

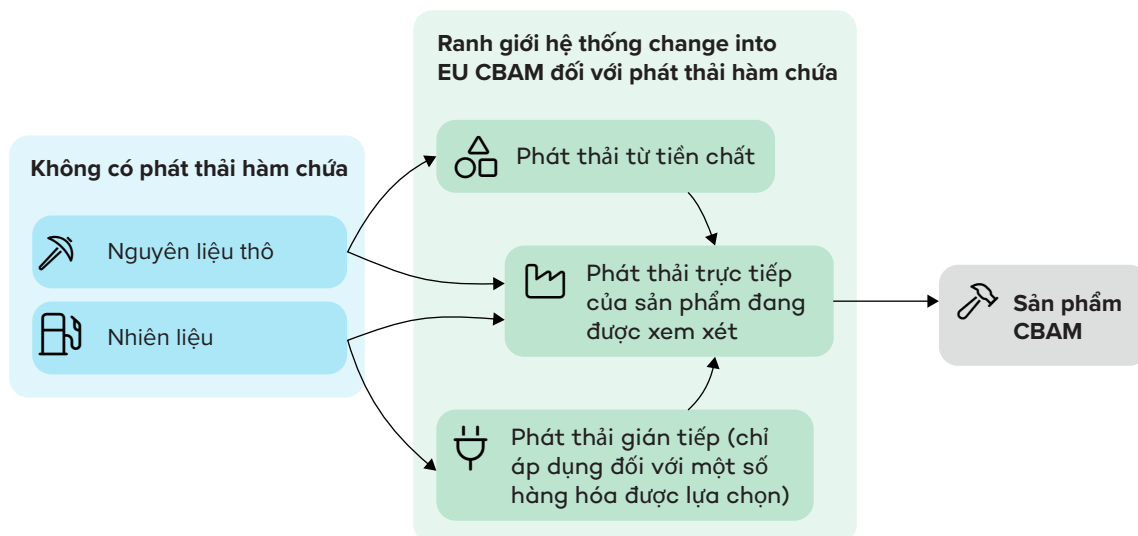
Ủy ban Châu Âu đã thiết lập các quy định cụ thể cho việc tính toán phát thải hàm chứa, bao gồm xác định ranh giới hệ thống, tổng hợp dữ liệu và phương pháp phân bổ. Như đã thảo luận ở trên, Ủy ban cũng đã xây dựng bộ giá trị cường độ phát thải mặc định để sử dụng trong trường hợp không có dữ liệu phát thải thực tế được thẩm định. Các giá trị mặc định sẽ được trình bày chi tiết hơn ở phần sau của mục này.

Việc tính toán phát thải hàm chứa thực tế theo phương pháp luận CBAM quy định khác với nhiều tiêu chuẩn tính toán phát thải quốc tế khác mà các doanh nghiệp tại các nước xuất khẩu có thể đang sử dụng. Mặc dù một số dữ liệu có thể được tái sử dụng cho mục đích tuân thủ CBAM, không nên giả định rằng các số liệu đó có thể được sử dụng hoàn toàn tương đương trong mọi trường hợp.

¹⁸ Phụ lục của [Quy định thực thi của Ủy ban Châu Âu \(EU\) 2025/2620 liên quan đến việc tính toán điều chỉnh phân bổ miễn phí đối với số lượng chứng chỉ CBAM](#) phải nộp quy định các giá trị định mức CBAM tại Mục 5, bao gồm cả các quy tắc lựa chọn giá trị định mức CBAM phù hợp và chính các giá trị định mức đó.



Hình 3. Các bước xác định phát thải hàm chứa theo EU CBAM



Nguồn: Minh họa của nhóm tác giả dựa trên Quy định (EU) 2023/956 thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon và Quy định thực thi (EU) 2025/2547.

5.1 Phương pháp xác định phát thải hàm chứa

5.1.1 Phạm vi phát thải

Các nội dung chính

- CBAM không được áp dụng giống nhau đối với phát thải trực tiếp và phát thải gián tiếp trong tất cả các ngành.
- Trong năm 2026, phát thải trực tiếp được tính cho tất cả các ngành cốt lõi được đề cập trong tài liệu này, nhưng phát thải gián tiếp chỉ được tính đến đối với xi măng và phân bón.
- Khả năng mở rộng phạm vi áp dụng CBAM đối với phát thải gián tiếp của ngành thép và nhôm trong tương lai vẫn còn hiện hữu và cần được tiếp tục theo dõi.

Phát thải trực tiếp và phát thải gián tiếp được đối xử khác nhau giữa các ngành thuộc CBAM. “Phát thải trực tiếp” là phát thải sinh ra trực tiếp từ quá trình sản xuất (ví dụ: đốt than trong lò cao). “Phát thải gián tiếp” là phát thải liên quan đến việc sản xuất điện được mua và tiêu thụ trong quá trình sản xuất.



Bảng 3. Nghĩa vụ tài chính đối với phát thải trực tiếp và gián tiếp trong năm 2026¹⁹

Ngành	Nghĩa vụ đối với phát thải trực tiếp	Nghĩa vụ đối với phát thải gián tiếp
Sắt & thép	Có	Không
Nhôm	Có	Không
Xi măng	Có	Có
Phân bón	Có	Có
Hydro	Có	Không

Nguồn: Tác giả, dựa trên Quy định (EU) 2023/956 thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon.

Hàm ý chiến lược của khả năng đưa phát thải Phạm vi 2 vào đối với thép và nhôm

Việc loại trừ phát thải gián tiếp đối với sắt, thép và nhôm theo EU CBAM hiện nay giúp giảm chi phí CBAM mà các nhà xuất khẩu tại các quốc gia có lưới điện cường độ các-bon cao. Tại các quốc gia phụ thuộc nhiều vào điện than, nếu phát thải gián tiếp bị định giá, thép sản xuất bằng EAF và nhôm nguyên sinh (đều là các quy trình sử dụng nhiều điện năng) sẽ phải chịu chi phí CBAM cao hơn, có khả năng làm giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường EU. Ngược lại, đối với các hàng hóa mà phát thải gián tiếp chưa bị tính phí, các nhà sản xuất tại các quốc gia có lưới điện các-bon thấp sẽ không được hưởng lợi từ mức chi phí CBAM thấp hơn tương ứng đối với sản phẩm của họ.

Tuy nhiên, việc loại trừ phát thải gián tiếp đối với sắt, thép và nhôm hiện đang được xem xét tích cực. Vào tháng 4 năm 2026, báo cáo viên của Nghị viện Châu Âu về cải cách CBAM đã đề xuất mở rộng dần phạm vi bao phủ sang phát thải gián tiếp đối với các ngành bổ sung trong lần sửa đổi CBAM tiếp theo (Chahim, 2026). Các doanh nghiệp tại các quốc gia xuất khẩu có thể dự báo trước khả năng này trong tương lai và đẩy nhanh đầu tư vào mua sắm năng lượng tái tạo (ví dụ: hợp đồng mua bán điện trực tiếp) nhằm giảm dấu chân phát thải gián tiếp trước khi cơ chế miễn trừ hết hiệu lực. Ngược lại, các ngành xi măng và phân bón phải đối mặt ngay với việc phải chịu đầy đủ chi phí đối với phát thải gián tiếp.

¹⁹ Sự phân biệt giữa phế liệu tiền tiêu dùng (pre-consumer scrap) và phế liệu hậu tiêu dùng (post-consumer scrap) được quy định trong Quy định thực thi 2025/2547 liên quan đến các phương pháp tính toán phát thải hàm chứa trong hàng hóa.



5.1.2 Sử dụng phát thải thực tế

Các nội dung chính

Để báo cáo phát thải thực tế, doanh nghiệp sẽ cần:

- Xác định ranh giới cơ sở và các quy trình sản xuất phù hợp với phương pháp luận của EU CBAM. Phát thải phải được phân bổ ở cấp quy trình sản xuất cụ thể, không phải ở cấp toàn bộ cơ sở.
- Thiết lập hệ thống giám sát có thể phân bổ phát thải cho các quy trình sản xuất và hàng hóa cuối cùng, sử dụng phương pháp dựa trên tính toán hoặc dựa trên đo lường.
- Đảm bảo mọi dữ liệu phát thải đều có thể truy xuất ngược đến các tài liệu nguồn, vì các giá trị thực tế sẽ yêu cầu xác minh bởi bên thứ ba.
- Phân biệt rõ giữa hàng hóa đơn giản và hàng hóa phức tạp: hàng hóa phức tạp yêu cầu kết hợp phát thải từ quy trình sản xuất với phát thải hàm chứa trong các tiền chất thuộc CBAM.
- Lập bản đồ tất cả các tiền chất liên quan trong quy trình sản xuất và hiểu cách phát thải hàm chứa của các tiền chất này được chuyển vào sản phẩm cuối cùng.
- Thu thập dữ liệu phát thải đã được thẩm định từ các nhà cung cấp thượng nguồn bất cứ khi nào có thể; thiếu dữ liệu sẽ dẫn đến việc phải sử dụng các giá trị mặc định.
- Thiết lập sớm các cơ chế chia sẻ dữ liệu chặt chẽ trong toàn bộ chuỗi cung ứng, vì thiếu dữ liệu về tiền chất có thể làm tăng đáng kể chi phí CBAM.

Việc tính toán phát thải hàm chứa không dựa trên toàn bộ cơ sở mà dựa trên các quy trình sản xuất cụ thể tạo ra hàng hóa CBAM. Các đơn vị vận hành tại các quốc gia xuất khẩu phải xác định ranh giới của “cơ sở” để bao gồm tất cả các đơn vị kỹ thuật nơi diễn ra hoạt động sản xuất hàng hóa CBAM.

Như đã giải thích tại Phần 4, sự khác biệt giữa hàng hóa đơn giản và hàng hóa phức tạp quyết định liệu phát thải hàm chứa chỉ dựa trên quy trình sản xuất cuối cùng hay còn phải bao gồm cả các tiền chất liên quan.

Điều này có nghĩa là tổng phát thải hàm chứa của một hàng hóa phức tạp bằng tổng phát thải trực tiếp từ quy trình sản xuất cuối cùng cộng với phát thải hàm chứa đã có sẵn trong các tiền chất được sử dụng. Ví dụ: dây thép (một hàng hóa CBAM) được sản xuất từ phôi thép (cũng là một hàng hóa CBAM). Việc tính toán phát thải đối với dây thép phải tính đến dấu chân các-bon của phôi thép.



Bảng 4. So sánh giữa hàng hóa CBAM đơn giản và phức tạp

	Hàng hóa đơn giản	Hàng hóa phức tạp
Nguyên liệu đầu vào	Không sử dụng tiền chất thuộc phạm vi CBAM	Bao gồm một hoặc nhiều tiền chất thuộc phạm vi CBAM
Nguồn phát thải	Phát thải từ quy trình sản xuất cụ thể	Phát thải từ quy trình sản xuất cụ thể + phát thải hàm chứa của các tiền chất
Yêu cầu dữ liệu	Chỉ cần dữ liệu ở cấp cơ sở	Cần dữ liệu chuỗi cung ứng đối với tất cả các tiền chất CBAM liên quan

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả dựa trên Quy định (EU) 2023/956 thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (Phụ lục IV), và Quy định thực thi (EU) 2025/2547.

SEE là thành phần biến động lớn nhất trong việc tính toán phát thải hàm chứa thực tế và có thể được xác định thông qua hai phương pháp khác nhau: “phương pháp cân bằng khối lượng” (theo dõi toàn bộ đầu vào và đầu ra các-bon trong quá trình sản xuất để xác định phát thải bằng phương pháp chênh lệch) và “phương pháp dựa trên tính toán” (sử dụng dữ liệu hoạt động như tiêu thụ nhiên liệu, mức độ vận hành quy trình nhân với các hệ số phát thải). Việc lựa chọn giữa các phương pháp này phụ thuộc vào mức độ sẵn có và chất lượng của dữ liệu sơ cấp từ nhà sản xuất. Phương pháp luận đối với phát thải thực tế yêu cầu giám sát ở cấp cơ sở, phân bổ các phát thải đó cho các quy trình sản xuất cụ thể và cuối cùng là cho chính các hàng hóa.

Đối với một hàng hóa đơn giản, công thức tính phát thải phân bổ được quy định trong Phụ lục IV của Quy định (EU) 2023/956 và được làm rõ thêm trong Quy định thực thi 2025/2547, như trình bày trong Phương trình dưới đây. Trong ngữ cảnh này, g đề cập đến hàng hóa CBAM được xác định bằng mã CN.

Công thức 5.

$$SEE_g = \frac{AttrEm_g}{AL_g}$$

- $AttrEm_g$ = phát thải trực tiếp hoặc gián tiếp được phân bổ cho quy trình sản xuất cụ thể tạo ra hàng hóa trong kỳ báo cáo.
- AL_g = mức hoạt động đại diện cho khối lượng hàng hóa được sản xuất trong cùng kỳ.

Định lượng phát thải sản xuất

Phương pháp luận tính toán phát thải hàm chứa thực tế theo CBAM được thiết kế nhằm phản ánh các tiêu chuẩn giám sát và báo cáo của EU ETS. Để tính toán phát thải thực tế, doanh nghiệp vận hành cơ sở sản xuất (“đơn vị vận hành cơ sở”) trước tiên phải xác định ranh giới hệ thống của quy trình sản xuất và nhận diện tất cả các công nghệ sản xuất và tiền chất liên quan (nguyên liệu đầu vào mà bản thân chúng cũng là hàng hóa thuộc phạm vi CBAM).



Phương pháp luận tính toán phát thải hàm chứa thực tế quy định cách các đơn vị vận hành cơ sở phải xác định ranh giới hệ thống và công nghệ sản xuất đối với các hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh. Việc tính toán cho phép hai phương án khi thu thập dữ liệu về phát thải hàm chứa thực tế:

- “phương pháp dựa trên tính toán” (sử dụng dữ liệu hoạt động và hệ số phát thải), hoặc
- “phương pháp dựa trên đo lường” (sử dụng hệ thống giám sát phát thải liên tục). Sau đó, các phát thải này được phân bổ cho các hàng hóa cụ thể bằng phương pháp cân bằng khối lượng hoặc phương pháp dòng năng lượng.

Hình 4 trình bày các lựa chọn phương pháp luận khác nhau.

Hình 4. Phương pháp luận tính toán phát thải hàm chứa thực tế



Nguồn: Nhóm tác giả xây dựng dựa trên Quy định (EU) 2023/956 thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon.

Phát thải phải được giám sát tại từng địa điểm (hay “cơ sở”), được phân tách theo các quy trình sản xuất cụ thể cho từng sản phẩm. Ví dụ, nếu một cơ sở sản xuất nhiều loại hàng hóa (ví dụ: một nhà máy thép sản xuất cả phôi thép và thép cuộn thành phẩm), phát thải phải được phân bổ dựa trên đầu vào và năng lượng tiêu thụ của từng quy trình.²⁰ Đơn vị vận hành cơ sở có thể sử dụng kết hợp cả hai phương pháp (dựa trên tính toán hoặc dựa trên đo lường) cho các phần khác nhau của cùng một địa điểm sản xuất.

²⁰ Các định nghĩa về hàng hóa đơn giản và hàng hóa phức tạp được quy định tại Phụ lục IV về các phương pháp tính toán phát thải hàm chứa phục vụ mục đích của Điều 7 trong Quy định thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (2023/956), được sửa đổi bởi Quy định (2025/2083).



Quy định yêu cầu rằng trong trường hợp cùng một loại hàng hóa (được xác định bằng cùng một mã CN) được sản xuất bằng các công nghệ khác nhau trong cùng một cơ sở (ví dụ: vừa sử dụng công nghệ Lò cao vừa sử dụng công nghệ EAF trong cùng một nhà máy), các công nghệ này sẽ được coi là một quy trình sản xuất duy nhất. Phát thải hàm chứa được phân bổ cho hàng hóa sẽ trở thành giá trị trung bình gia quyền của tất cả các công nghệ được sử dụng. Quy định này được thiết kế nhằm ngăn chặn hiện tượng “điều chuyển nguồn lực mang tính lựa chọn” (“resource shuffling”), trong đó nhà sản xuất có thể cố gắng, trong trường hợp sản xuất thép, phân bổ toàn bộ sản lượng từ EAF cho hàng xuất khẩu trong khi sử dụng lò cao để phục vụ sản xuất cho thị trường nội địa.

Phần lớn hàng hóa CBAM xuất khẩu thuộc nhóm thép và nhôm được phân loại là “hàng hóa phức tạp”. Việc tính toán phát thải hàm chứa của các hàng hóa này phức tạp hơn: đó là tổng phát thải từ chính quy trình sản xuất cộng với phát thải hàm chứa của các nguyên liệu đầu vào (tiền chất). Điều này làm thay đổi phép tính trước đó bằng cách điều chỉnh công thức tính, như được trình bày trong Công thức 6.

Công thức 6.

$$SEE_g = \frac{AttrEm_g + EmbEm_{precursors}}{AL_g}$$

- $EMBEM_{precursors}$ = Phát thải đã được hàm chứa trong các nguyên liệu đầu vào mà bản thân các nguyên liệu này cũng thuộc phạm vi CBAM.

Trong trường hợp sắt & thép và nhôm, các tiền chất liên quan bao gồm:

- **sắt & thép:** Quặng sắt thiêu kết, hợp kim ferro (ferro-mangan, ferro-chrome, ferro-niken) và gang.
- **nhôm:** Alumina (oxit nhôm), nhôm chưa gia công và cực dương nung.
- **phế liệu:** Đối với cả sắt & thép và nhôm, phế liệu tiền tiêu dùng phải được coi là tiền chất. Phế liệu hậu tiêu dùng hiện được xem là có cường độ phát thải bằng 0 và do đó không được đưa vào tính toán.²¹

Ví dụ, một nhà máy cán thép sản xuất thép cuộn cán nguội phải thu thập dữ liệu phát thải đã được thẩm định từ nhà cung cấp thép cuộn cán nóng của mình. Nếu nhà cung cấp ở cùng quốc gia, họ phải cung cấp dữ liệu đã được thẩm định. Nếu nhà cung cấp ở quốc gia thứ ba (ví dụ: Trung Quốc hoặc Ấn Độ), dữ liệu phải được chuyển giao kèm sản phẩm trong chuỗi cung ứng. Nếu không có dữ liệu thực tế đã được thẩm định đối với một tiền chất, Bên khai báo CBAM sẽ buộc phải sử dụng các giá trị mặc định. Như được thảo luận dưới đây, các giá trị mặc định này ở mức cao, và do đó việc sử dụng các giá trị mặc định có thể trở thành một bất lợi cạnh tranh. Tính minh bạch của chuỗi cung ứng sẽ ngày càng trở nên có giá trị về mặt thương mại.

²¹ Nguyên tắc này được quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 của Quy định thực thi của Ủy ban Châu Âu (EU) 2025/2547 liên quan đến các phương pháp tính toán phát thải hàm chứa trong hàng hóa.



Các nhà sản xuất ngoài EU nên xem xét triển khai các quy trình trao đổi dữ liệu với các nhà cung cấp thượng nguồn nhằm đảm bảo có sẵn dữ liệu “thực tế” cho việc tính toán cuối cùng.

Trong trường hợp không có dữ liệu phát thải thực tế đã được thẩm định đối với một cơ sở hoặc tiền chất, EU CBAM yêu cầu sử dụng các giá trị mặc định, như được trình bày trong phần tiếp theo. Như đã thảo luận, các giá trị mặc định là các giá trị cường độ phát thải chuẩn hóa do Ủy ban Châu Âu cung cấp như một giải pháp thay thế cho dữ liệu thực tế đã được xác minh. Các giá trị này được thiết kế nhằm ước tính phát thải hàm chứa bằng một phương pháp luận nhất quán giữa các quốc gia và sản phẩm. Tuy nhiên, chúng đi kèm với những hạn chế, như sẽ được thảo luận dưới đây.

5.1.3 Sử dụng các giá trị mặc định

Các nội dung chính

- Các giá trị mặc định là phương án phương pháp luận thay thế khi không có dữ liệu phát thải thực tế đã được thẩm định — không phải là một giá trị trung tính mang tính tạm thời.
- Các giá trị này bao gồm các mức cộng thêm hằng năm làm tăng chi phí CBAM theo thời gian: +10% (2026), +20% (2027), +30% (từ 2028 trở đi).
- Việc cung cấp dữ liệu phát thải thực tế đã được thẩm định thường là cách hiệu quả nhất để giảm nghĩa vụ CBAM.

Trong trường hợp không có dữ liệu phát thải thực tế đã được thẩm định, Quy định CBAM yêu cầu phải sử dụng các giá trị mặc định. Quy định thực thi của EU 2025/2621 thiết lập các giá trị mặc định này; các giá trị này ở mức cao và được thiết kế nhằm khuyến khích sử dụng dữ liệu phát thải hàm chứa thực tế bất cứ khi nào có thể.

Có hai loại giá trị mặc định mà doanh nghiệp có thể sử dụng trong trường hợp không có dữ liệu phát thải hàm chứa thực tế.

1. Trường hợp thứ nhất là khi hàng hóa CBAM và các tiền chất có xuất xứ quốc gia được xác minh, khi đó có thể sử dụng các giá trị mặc định đặc thù theo quốc gia.
2. Trường hợp thứ hai là khi không thể xác minh xuất xứ của hàng hóa, khi đó phải sử dụng các giá trị mặc định chung.

Các giá trị mặc định chung (tức không đặc thù theo quốc gia) được tính toán dựa trên cường độ phát thải trung bình của 10 quốc gia xuất khẩu có mức phát thải cao nhất đối với loại hàng hóa cụ thể đó và cao hơn đáng kể so với các giá trị mặc định đặc thù theo quốc gia. Điều này nhằm đảm bảo rằng giá trị mặc định có khả năng cao hơn mức phát thải thực tế của phần lớn các nhà sản xuất.

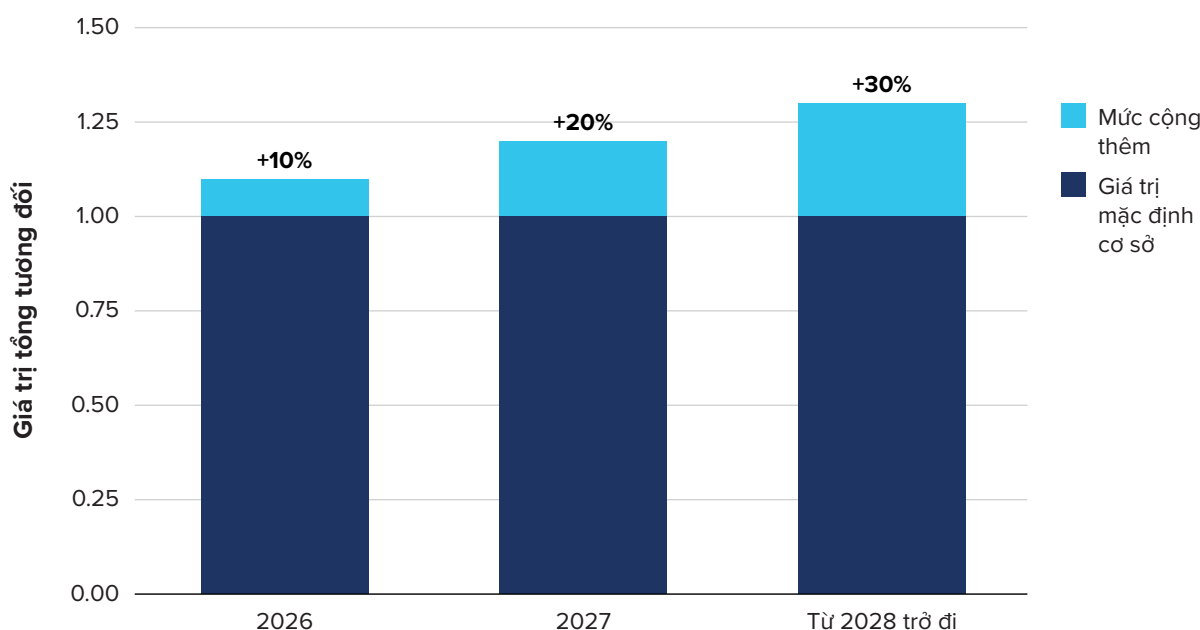
Ngoài ra, một mức cộng thêm (mark-up) được áp dụng đối với cả các giá trị mặc định chung và đặc thù theo quốc gia. Mức cộng thêm này tăng dần theo thời gian: xem Hình 5.

Ví dụ, với sản phẩm thép cán phẳng (CN 7210), giá trị mặc định đặc thù theo quốc gia của Việt Nam cho năm 2026 (bao gồm mức cộng thêm 10%) là 2,607 tCO₂đt trên mỗi tấn, trong



khi giá trị mặc định “quốc gia khác” là 4,511 tCO₂tđ. Trung bình, đối với quốc gia xuất xứ và sản phẩm này, cường độ phát thải mặc định tăng hơn gấp đôi nếu nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu không thể chứng minh xuất xứ quốc gia cho mục đích báo cáo CBAM. Mức “phạt” này sẽ tiếp tục tăng theo từng năm nếu các giá trị mặc định tiếp tục được sử dụng.

Hình 5. Các mức cộng thêm áp dụng đối với giá trị mặc định theo thời gian



Nguồn: Nhóm tác giả xây dựng dựa trên Quy định thực thi (EU) 2025/2621.

Bảng dưới đây so sánh các giá trị mặc định đối với một số quốc gia xuất khẩu chủ chốt.

Bảng 5. So sánh các giá trị mặc định CBAM đối với các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng ≥ 600 mm, được phủ, mạ hoặc tráng (CN 7210), đối với một số quốc gia lựa chọn

Quốc gia	Phát thải trực tiếp	2026	2027	Từ 2028 trở đi
Indonesia	8.25	9.075	9.9	10.725
Ấn Độ	4.28	4.708	5.136	5.564
Các quốc gia khác (Không biết điểm bắt đầu)	4.101	4.511	4.921	5.331
Trung Quốc	3.205	3.526	3.846	4.167
Thổ Nhĩ Kỳ	2.51	2.761	3.012	3.263
Việt Nam	2.37	2.607	2.844	3.081
Nhật Bản	2.13	2.343	2.556	2.769

Nguồn: Nhóm tác giả xây dựng dựa trên Quy định thực thi (EU) 2025/2621.



5.2 Các ví dụ minh họa

Các nội dung chính

- Các ví dụ cho thấy công nghệ sản xuất có ảnh hưởng rất lớn đến việc tính toán phát thải.
- Đối với hàng hóa phức tạp, phát thải từ các tiền chất có thể chiếm tỷ trọng lớn trong tổng phát thải hàm chứa của sản phẩm cuối cùng.
- Các ví dụ này chỉ mang tính minh họa, nhưng cho thấy vì sao các nhà xuất khẩu cần dữ liệu đặc thù theo công nghệ sản xuất thay vì các giả định chung chung.

5.2.1 Ví dụ 1: Tính toán phát thải hàm chứa thực tế cho lò cao tích hợp

Ví dụ này mô tả một cơ sở sản xuất thép tích hợp, sản xuất phôi thép bán thành phẩm (CN 7207) thông qua lộ trình BF-BOF.

Bước 1: Xác định ranh giới hệ thống và các quá trình sản xuất

Bước đầu tiên là xác định ranh giới hệ thống cho các quá trình sản xuất “gang” và “thép thô”. Ranh giới đối với tuyến công nghệ lò cao bao gồm công đoạn chuẩn bị nguyên liệu (thiêu kết), xử lý nhiên liệu (sản xuất coke nếu thực hiện tại chỗ), bản thân lò cao, và các hoạt động phụ trợ như làm sạch khí thải.

- **Nhà máy thiêu kết:** quặng mịn, chất trợ dung (đá vôi) và bụi coke được xử lý. Giai đoạn này tạo ra “quặng thiêu kết” (CN 2601 12 00).
- **Lò cao:** quặng thiêu kết được hoàn nguyên bằng coke luyện kim và than phun (PCI) để tạo ra gang lỏng.
- **Lò thổi oxy cơ bản (BOF):** gang lỏng được tinh luyện thành thép thô bằng cách thổi oxy để giảm hàm lượng các-bon.
- **Đúc:** thép thô được đúc thành phôi bán thành phẩm (billet).

Bước 2: Thu thập dữ liệu hoạt động và các hệ số tính toán

Phương pháp cân bằng khối lượng (Mass Balance Method) cho giám sát lò cao được trình bày dưới đây, trong đó các ví dụ cụ thể về dòng vào và dòng ra chứa các-bon được giải thích trong Bảng 6. Lưu ý rằng, các đơn vị vận hành cũng có thể sử dụng phương pháp dựa trên tính toán (calculation-based methodology).



Bảng 6. Ví dụ về mức độ trọng yếu của phát thải từ sản xuất lò cao

Nguyên liệu đầu vào/đầu ra	Mức độ quan trọng đối với phát thải
Cốc luyện kim	Chất khử chính và nhiên liệu
Than phun	Nhiên liệu bổ sung
Quặng thiêu kết	Nguồn cung cấp sắt (bao gồm các-bon còn sót lại)
Đá vôi trợ dung	Vật liệu quá trình phát thải CO ₂
Gang lỏng (đầu ra)	Sản phẩm đầu ra và tiền chất (cho lò thép)
Xỉ lò cao	Chất thải

Nguồn: Tổng hợp của các tác giả dựa trên Quy định Thực thi (EU) 2025/2547.

Vì sao phương pháp Cân bằng Khối lượng phù hợp cho cơ sở này

Trong lò cao, các nguyên liệu đầu vào chứa các-bon (chủ yếu là than cốc luyện kim và than phun) đồng thời đóng vai trò là nguồn cung cấp năng lượng nhiệt và chất khử hóa học. Phương pháp tiêu chuẩn giả định rằng tất cả nguyên liệu nhiên liệu đầu vào bị oxy hóa hoàn toàn thành CO₂; trong lò cao, giả định này không đúng, và nếu không có các bước hiệu chỉnh bổ sung, nó sẽ dẫn đến việc báo cáo phát thải cao hơn thực tế một cách có hệ thống.

Cân bằng khối lượng tránh được vấn đề này nhờ ba lợi thế về mặt phương pháp luận. Thứ nhất, nó khấu trừ lượng các-bon còn lại trong sản phẩm gang lỏng đầu ra (gang lỏng thường chứa 4%–4,5% các-bon theo khối lượng), tự động ghi nhận đó là dòng đầu ra thay vì là phát thải. Thứ hai, nó ghi nhận các-bon trong khí lò cao (BFG) một lần, tại ranh giới lò, thay vì yêu cầu người vận hành phải theo dõi và báo cáo nó tại mọi điểm đốt hạ nguồn, do đó vừa giảm gánh nặng hành chính vừa giảm nguy cơ tính trùng; nếu BFG được xuất sang cơ sở khác, lượng các-bon xuất đó phải được bên nhận hạch toán riêng. Thứ ba, nó thu nhận CO₂ giải phóng từ các nguyên liệu quy trình như đá vôi (chất này giải phóng CO₂ qua quá trình nung, không phải đốt nhiên liệu) như một phần của tổng dòng đầu vào, mà không yêu cầu giám sát riêng từng nguồn không phải đốt cháy. Đơn vị vận hành cần lưu ý rằng cân bằng khối lượng hoàn chỉnh cũng phải tính đến các dòng đầu ra chứa các-bon khác (bụi lò cao, bùn thải và than chưa cháy hết) để tránh báo cáo sai lệch.

Yêu cầu vận hành

Phương pháp cân bằng khối lượng đòi hỏi cao trong thực tế triển khai. Độ chính xác của việc cân đo là yếu tố then chốt: những sai số hiệu chuẩn nhỏ khi đo lượng than cốc hoặc than đầu vào sẽ trực tiếp lan truyền vào kết quả tính phát thải. Ngoài ra, cần thực hiện phân tích thành phần khí quá trình trong phòng thí nghiệm với tần suất cao. Đơn vị vận hành nên xác nhận các yêu cầu cụ thể về tần suất này với tổ chức thẩm định (verifier) được công nhận. Hệ thống đo đếm đáng tin cậy và các quy trình kiểm soát chất lượng cần được thiết lập đầy đủ trước khi tiến hành kỳ thẩm định đầu tiên.



Bước 3: Tính toán tổng phát thải trực tiếp được phân bổ

Tổng phát thải trực tiếp của quá trình sản xuất gang được tính dựa trên cân bằng khối lượng các-bon. Theo phương pháp này, bất kỳ lượng các-bon nào đi vào quá trình nhưng không nằm trong sản phẩm cuối cùng hoặc chất thải rắn đều được giả định là đã phát thải dưới dạng CO₂.

Bước 4: Hiệu chỉnh đối với dòng khí thải và nhiệt

Trong các nhà máy tích hợp, BFG thường được chuyển sang các bộ phận khác trong cùng cơ sở hoặc sang một nhà máy điện bên ngoài. Trong trường hợp này, cơ sở cần áp dụng hệ số hiệu chỉnh. Theo các quy định thực thi, lượng phát thải liên quan đến khí thải xuất khẩu sẽ được khấu trừ khỏi phát thải được phân bổ cho quá trình sản xuất và chuyển sang cho đơn vị tiêu thụ khí. Việc khấu trừ này chỉ được áp dụng khi bên thẩm định có thể xác nhận rằng lượng khí đó đã được sử dụng theo cách thay thế cho các nhiên liệu khác.

Bước 5: SEE của gang

SEE được tính bằng cách lấy tổng phát thải đã phân bổ (tCO₂e) chia cho tổng mức hoạt động (ALg), tức là tổng số tấn gang sản xuất, từ đó cho ra kết quả là số tấn CO₂ trên mỗi tấn gang.

Bước 6: Tính toán cho sản phẩm phức tạp

Quá trình sản xuất thép thô theo công nghệ BOF sử dụng gang làm nguyên liệu đầu vào. Nếu cơ sở sử dụng gang do chính mình sản xuất, lượng phát thải sẽ được “chuyển tiếp” sang công đoạn sau. Nếu cơ sở mua thêm gang từ nhà cung cấp có SEE đã được thẩm định, thì phép tính cho phôi thép cuối cùng (mã CN 7207) phải bao gồm cả phần này. Việc theo dõi nhiều công đoạn như vậy là phần phức tạp nhất của chuỗi công nghệ BF-BOF, đòi hỏi phải có một “sổ theo dõi các-bon” cho từng lần chuyển giao nội bộ.

5.2.2 Ví dụ 2: Tính toán phát thải hàm chứa thực tế cho EAF

Bước 1: Xác định ranh giới hệ thống và các quá trình sản xuất

Tuyến công nghệ lò hồ quang điện (EAF) sử dụng điện để nấu chảy thép phế. Ranh giới hệ thống bao gồm: lưu trữ và chuẩn bị phế liệu, lò luyện, luyện kim thứ cấp (tinh luyện trong thùng rót) và nhà máy cán. Các đầu vào chính của EAF:

- phế liệu sắt (nếu là phế liệu trước tiêu dùng, sẽ cần được coi là tiền chất).
- sắt hoàn nguyên trực tiếp (DRI) – được sử dụng như một đầu vào có độ tinh khiết cao để cân bằng thành phần hóa học.
- điện năng: Nguồn năng lượng chính được sử dụng cho quá trình nung chảy.
- điện cực graphite bị tiêu hao trong quá trình tạo hồ quang.



Bước 2: Giám sát phát thải trực tiếp

Đối với các nguồn phát thải trực tiếp, phương pháp tính toán dựa trên dữ liệu hoạt động và các hệ số phát thải. Các dòng nguồn liên quan bao gồm:

Bảng 7. Hệ số phát thải trên mỗi tấn sản phẩm

Các dòng nguồn phát thải	Hệ số phát thải (trên mỗi tấn sản phẩm)
Điện cực graphite	3.00 tCO ₂ /t
Khí tự nhiên	2.02 tCO ₂ /t
Than antraxit	2.85 tCO ₂ /t
Vôi/đolômit	0.44 tCO ₂ /t

Nguồn: Ủy ban Châu Âu.

Bước 3: Phát thải từ tiền chất

Nếu cơ sở sử dụng sắt hoàn nguyên trực tiếp (DRI), thì cần sử dụng giá trị phát thải hàm chứa đã được thẩm định của đầu vào này hoặc sử dụng các giá trị mặc định.

Bước 4: Tính toán cuối cùng cho SEE

Công thức tính SEE là:

Công thức 7.

$$SEE_{\text{Total}} \text{ tCO}_2/\text{t} = \frac{SEE_{\text{Direct}}}{AL}$$

So sánh chi tiết của cả hai ví dụ được trình bày trong Phụ lục 1.

Phát thải từ tiêu thụ điện năng

EAF tiêu thụ điện rất lớn, khoảng 550 kWh cho mỗi tấn thép thô (đây là giá trị điển hình của ngành, không phụ thuộc vào từng quốc gia cụ thể). Liên minh Châu Âu đã công bố các hệ số phát thải của lưới điện theo từng quốc gia (đơn vị tCO₂/MWh) để sử dụng trong tính toán phát thải gián tiếp (Phụ lục II của IR 2025/2621).²² Mặc dù hiện tại chưa được tính vào cường độ phát thải của sản phẩm thép trong khuôn khổ CBAM, nhưng trong tương lai các phát thải này có thể được đưa vào nếu EU quyết định mở rộng phạm vi CBAM để bao gồm phát thải Phạm vi 2 đối với ngành sắt thép.

²² Nội dung này được quy định tại Phụ lục II của Quy định thiết lập Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon (CBAM) (2023/956), đã được sửa đổi bởi Quy định (EU) 2025/2083.



6.0 Báo cáo

Những nội dung chính

- Đối với mục đích báo cáo CBAM, cần thu thập các thông tin chính về hàng hóa được sản xuất, nhiên liệu và vật liệu sử dụng, điện năng, các đầu vào tiền chất, và phát thải trực tiếp.

Các yêu cầu mà một cơ sở vận hành phải đưa vào báo cáo phát thải CBAM được chia thành năm nhóm chính: (1) Thông tin định danh & kế hoạch giám sát, (2) Năng lượng, khí và các dòng chuyển giao, (3) Dữ liệu phát thải cốt lõi, (4) Kiểm kê phát thải chi tiết, và (5) Thông tin đặc thù theo tuyến công nghệ & ngành, như được trình bày trong Bảng 7.

Bảng 8. Các yếu tố chính trong báo cáo phát thải của cơ sở vận hành

Danh mục	Nội dung cần báo cáo
Thông tin định danh và kế hoạch giám sát	• Tên đơn vị vận hành, địa chỉ, cơ sở sản xuất. Phân loại quy trình CBAM và không thuộc CBAM; • Các sản phẩm chính (mã CN), nhiên liệu, nguyên liệu; • Đánh dấu các dòng có đo lường liên tục, nhiên liệu được miễn tính, và các dòng nhiệt có thể đo được.
Năng lượng, khí, và các dòng chuyển giao	• Nguồn điện sử dụng (khối lượng, nhà cung cấp, quốc gia; bao gồm phát điện tại chỗ). • Khí thải phát sinh hoặc được sử dụng lại. Chuyển giao CO₂ thông qua CCS hoặc CCUS.
Dữ liệu phát thải cốt lõi	• Tổng phát thải trực tiếp và kỳ giám sát. • Sản lượng hàng hóa theo từng quy trình (bao gồm cả ngoài CBAM nếu liên quan). • Đối với hàng hóa thuộc Phụ lục I nhưng không thuộc Phụ lục II: tổng điện năng tiêu thụ và cơ sở cung cấp điện.
Kiểm kê phát thải chi tiết	• Phát thải hàm chứa riêng trực tiếp (SEE) theo từng sản phẩm và thành phần, kèm chất lượng dữ liệu, phương pháp tính, và tỷ lệ dữ liệu đo thực tế so với mức định. • Tổng số liệu cấp cơ sở (dữ liệu hoạt động, nguồn phát thải, phần thu giữ, khoảng trống dữ liệu). • Cân bằng khối lượng/năng lượng của nhiệt, khí thải và điện theo từng quy trình.
Chi tiết theo tuyến công nghệ, và ngành	• Các đầu vào tiền chất theo loại, quy trình, mã CN, và quốc gia xuất xứ (bao gồm quy tắc cho hàng hóa phức tạp và kỳ trước). • Chi tiết điện năng (giá trị thực tế hoặc PPA). • Sản lượng theo từng tuyến sản xuất và mã CN. • Các yêu cầu bổ sung theo ngành cụ thể.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả dựa trên Quy định thực thi (EU) 2025/2547.



7.0 Thẩm định

Những điểm chính

- Các nhà xuất khẩu nên cân nhắc thực hiện một đợt kiểm tra tiền thẩm định trước chu kỳ khai báo đầy đủ đầu tiên, đặc biệt đối với dữ liệu năm 2026.
- Trong năm đầu tiên của quá trình thẩm định, sẽ bắt buộc phải có chuyến kiểm tra thực địa tại cơ sở. Ở các năm tiếp theo, yêu cầu kiểm tra thực địa có thể được miễn trong một số điều kiện nhất định, nhưng vẫn phải được thực hiện ít nhất 2 năm một lần.
- Doanh nghiệp cần duy trì hệ thống luôn ở trạng thái sẵn sàng kiểm toán trong suốt năm, vì nếu việc thẩm định không đạt yêu cầu, bên nhập khẩu có thể phải sử dụng các giá trị mặc định thay thế.
- Ngưỡng trọng yếu 5% được áp dụng; tuy nhiên, thẩm định viên vẫn có thể xem các sai lệch nhỏ hơn là trọng yếu tùy theo bản chất của vấn đề.

Trong giai đoạn chính thức (definitive period), tất cả dữ liệu phát thải hàm chứa được báo cáo trong Tờ khai CBAM hằng năm phải được thẩm định bởi một bên thứ ba được công nhận. Việc tự kê khai dữ liệu phát thải sẽ không còn được chấp nhận.²³

Các đơn vị thẩm định phải được công nhận bởi một Cơ quan Công nhận Quốc gia (NAB) của một quốc gia thành viên EU. Hiện tại chưa có thỏa thuận công nhận lẫn nhau cho phép các cơ quan công nhận ngoài EU chứng nhận đơn vị thẩm định cho CBAM, mặc dù các cơ quan công nhận của EU vẫn có thể công nhận các đơn vị thẩm định ngoài EU.

Các đơn vị thẩm định được công nhận phải được đăng ký trong hệ thống đăng ký CBAM. Do đó, các doanh nghiệp muốn sử dụng dữ liệu phát thải hàm chứa thực tế đã được thẩm định cần đảm bảo rằng đơn vị thẩm định của mình vừa được công nhận vừa đã đăng ký trong hệ thống CBAM.

Các tuyên bố công khai gần đây của Cơ quan Giao dịch Phát thải Đức (Deutsche Emissionshandelsstelle, 2026) đã chỉ ra rằng các doanh nghiệp sẽ có thể thẩm định phát thải cho năm 2026 từ ngày 1 tháng 1 năm 2027 cho đến thời hạn nộp Tờ khai CBAM đầu tiên là ngày 30 tháng 9 năm 2027.²⁴

Để chuẩn bị cho quá trình thẩm định, các đơn vị vận hành cơ sở tại các quốc gia xuất khẩu có thể cân nhắc thực hiện một quy trình “tiền thẩm định” với một đơn vị thẩm định phát thải đáng tin cậy, nhằm chuẩn bị dữ liệu báo cáo cần thiết và hệ thống hạ tầng dữ liệu.

²³ Nội dung này được trình bày chi tiết hơn tại Phụ lục IV của Quy định thực thi (2025/2547) liên quan đến các phương pháp tính toán phát thải hàm chứa trong hàng hóa.

²⁴ Các quy định về thẩm định được nêu tại Quy định thực thi (EU) 2025/2546 của Ủy ban Châu Âu về việc áp dụng các nguyên tắc thẩm định đối với lượng phát thải hàm chứa đã được khai báo, và Quy định ủy quyền (EU) 2025/2551 của Ủy ban Châu Âu, trong đó quy định cụ thể các điều kiện cấp công nhận cho các tổ chức thẩm định, việc kiểm soát và giám sát các tổ chức thẩm định đã được công nhận, việc thu hồi công nhận, cũng như cơ chế công nhận lẫn nhau và đánh giá đồng cấp giữa các tổ chức công nhận.



Quy trình thẩm định

Việc thẩm định phát thải hàm chứa thường được thực hiện hằng năm trong hầu hết các trường hợp.

Trong năm đầu tiên cơ sở được thẩm định, đơn vị thẩm định phải tiến hành kiểm tra thực địa tại cơ sở sản xuất. Việc kiểm tra thực địa có thể được thay thế bằng kiểm tra trực tuyến (virtual visit) chỉ trong một số trường hợp hạn chế, thường là khi năm trước đó đã có kiểm tra thực địa và cơ sở không có thay đổi đáng kể. Việc miễn hoàn toàn kiểm tra thực địa chỉ được áp dụng khi đáp ứng các điều kiện nghiêm ngặt hơn.²⁵ Quyết định thay thế hoặc miễn kiểm tra thực địa do đơn vị thẩm định đưa ra không cần sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, việc kiểm tra thực địa vẫn phải được thực hiện ít nhất hai năm một lần.

Quy trình thẩm định bao gồm:

- **phân tích chiến lược (Strategic Analysis):** Đánh giá rủi ro sai sót hoặc sai lệch trong dữ liệu do đơn vị vận hành cung cấp.
- **phân tích quy trình (Process Analysis):** Kiểm tra ranh giới của cơ sở sản xuất và các quy trình sản xuất liên quan.
- **thẩm định dữ liệu:** Đối chiếu dữ liệu hoạt động (hóa đơn nhiên liệu, số liệu từ thiết bị đo đếm) với lượng phát thải đã báo cáo.
- **phát hành báo cáo thẩm định:** Đơn vị thẩm định ban hành Báo cáo Thẩm định, và báo cáo này phải được tải lên Hệ thống đăng ký CBAM.

Đơn vị thẩm định phải áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro (risk-based approach) trong quá trình đánh giá. Điều này có nghĩa là họ sẽ phân tích xem dữ liệu đã báo cáo có chứa sai sót hoặc sai lệch đáng kể hay không. Tỷ lệ sai số không được vượt quá 5% tổng SEE và 5% tổng phân bổ miễn phí cho mỗi tấn hàng hóa liên quan, được xác định theo mã CN. Tuy nhiên, đơn vị thẩm định vẫn có quyền sử dụng đánh giá chuyên gia để xem xét các sai lệch hoặc không tuân thủ nằm dưới ngưỡng 5%, hoặc các sai lệch liên quan đến những tham số không thuộc phạm vi áp dụng của ngưỡng 5%, và có thể coi chúng là trọng yếu dựa trên quy mô và bản chất của chúng.

Nếu đơn vị thẩm định không thể xác nhận tính chính xác của dữ liệu với mức độ đảm bảo hợp lý, nhà nhập khẩu sẽ không được sử dụng dữ liệu phát thải hàm chứa và phải áp dụng các giá trị mặc định. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc các cơ sở tại quốc gia xuất khẩu duy trì hệ thống dữ liệu “sẵn sàng kiểm toán” (audit-ready) trong suốt cả năm.

Các cân nhắc về vận hành khi lựa chọn đơn vị thẩm định được công nhận

Các tổ chức thẩm định ngoài EU sẽ không thể tự mình thẩm định báo cáo CBAM trừ khi họ hoàn tất quy trình công nhận với một Cơ quan Công nhận Quốc gia (NAB) của EU, ví dụ như DAkkS (Deutsche Akkreditierungsstelle) tại Đức hoặc COFRAC (Comité français d'accréditation) tại Pháp. Việc thẩm định do các chi nhánh địa phương của các tập đoàn Kiểm định – Giám định – Chứng nhận (TIC) toàn cầu thực hiện, vốn đã có sẵn các chứng nhận EU cần thiết (ví dụ: SGS, TÜV Rheinland, Bureau Veritas, DNV), nhiều khả năng sẽ được chấp thuận nhanh chóng theo các quy định thẩm định CBAM mới.

²⁵ Các tuyên bố công khai được cung cấp bởi Argusm Media (Wlk & Senerdem, 2026).



8.0 Giảm trừ nghĩa vụ đối với giá các-bon đã chi trả

Những nội dung chính

- Việc chi trả định giá các-bon tại quốc gia hoặc các quốc gia xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu có thể giúp giảm nghĩa vụ CBAM, mặc dù phương pháp luận có tính ràng buộc để tính toán mức giảm này vẫn chưa có hiệu lực tính đến giữa năm 2026; Ủy ban Châu Âu đã công bố một bản dự thảo vào tháng 5 năm 2026 (xem Hộp 1)
- Trường hợp các hệ thống định giá các-bon này bao gồm phân bổ miễn phí hoặc các hình thức bù đắp khác, khoản được giảm trừ sẽ thấp hơn giá các-bon danh nghĩa.
- Các nhà xuất khẩu cần lập hồ sơ chứng minh rõ ràng cách thức giá các-bon liên quan đến lượng phát thải hàm chứa thực tế (embedded emissions) trong hàng hóa xuất khẩu của họ.
- Ủy ban Châu Âu đã ban hành dự thảo phương pháp luận vào tháng 5 năm 2026 (xem Hộp 1), nhưng hiện vẫn chưa công bố lộ trình/bảng giá các-bon mặc định đã chi trả tại các khu vực pháp lý nước ngoài. Các mức giá mặc định này có thể đóng vai trò là giải pháp thay thế cho các bằng chứng ở cấp độ cơ sở sản xuất.

Để tránh việc phải chịu chi phí các-bon hai lần, EU CBAM cho phép các nhà nhập khẩu khấu trừ phần giá các-bon đã được thanh toán tại quốc gia hoặc các quốc gia xuất xứ.

Theo Điều 9 của Quy định (EU) 2023/956, được thay thế bởi Điều 9 của Quy định (EU) 2025/2083, một Bên khai báo được cấp phép (Authorised Declarant) có thể yêu cầu giảm số lượng chứng chỉ CBAM phải nộp, dựa trên mức giá các-bon đã được thanh toán tại quốc gia hoặc các quốc gia xuất xứ của hàng hóa. Khoản khấu trừ này chỉ áp dụng đối với các công cụ định giá các-bon minh bạch, như được định nghĩa tại Điều 3(29), tức là một khoản tiền được thanh toán theo một cơ chế giảm phát thải khí nhà kính (ví dụ: thuế các-bon hoặc hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải), được tính toán dựa trên lượng phát thải hàm chứa trong quá trình sản xuất hàng hóa.

8.1 Phương pháp luận

Mặc dù về nguyên tắc, việc giảm trừ đã có thể được áp dụng kể từ năm 2026, nhưng phương pháp luận có tính ràng buộc để tính toán khoản giảm trừ này hiện vẫn chưa có hiệu lực. Vào tháng 5 năm 2026, Ủy ban Châu Âu đã công bố dự thảo Quy định thực thi theo Điều 9(5) (xem Hộp 1), trong đó quy định các quy tắc kỹ thuật về cách tính “giá các-bon thực trả” ở nước ngoài, bao gồm cách xử lý hạn ngạch miễn phí, các khoản hoàn trả và các trường hợp miễn trừ, cùng với các tiêu chuẩn áp dụng về bằng chứng, thẩm tra và hồ sơ tài liệu. Do dự thảo này hiện chưa có hiệu lực pháp lý và các nội dung chi tiết vẫn có thể thay đổi, phần mô tả dưới đây phản ánh khuôn khổ như đang được đề xuất tại thời điểm hiện tại. Các nhà xuất khẩu nên tiếp tục theo dõi các quyết định pháp lý liên quan đến nội dung này trong suốt năm 2026.



Khoản giảm trừ này được thiết kế để chỉ giới hạn nghiêm ngặt đối với các khoản “thực tế đã được thanh toán”. Trên thực tế, điều này đòi hỏi phải trừ đi mọi hình thức bù đắp khỏi mức giá các-bon được kê khai, ví dụ như:

- phân bổ miễn phí hạn ngạch phát thải trong khuôn khổ hệ thống ETS;
- hoàn giá, hoàn thuế hoặc miễn thuế các-bon;
- các tiêu chuẩn cường độ phát thải theo ngành, dưới ngưỡng đó thì không phải trả giá các-bon trong các cơ chế định giá dựa trên sản lượng; và
- các cơ chế khác làm giảm chi phí các-bon thực tế mà nhà sản xuất phải chịu.

Sử dụng hồ sơ giá các-bon so với mức giá các-bon mặc định

Đối với các bên khai báo sử dụng giá trị cường độ phát thải hàm chứa, khoản khấu trừ có thể được xác định dựa trên hồ sơ về mức giá các-bon đã thanh toán hoặc, trong trường hợp Ủy ban Châu Âu đã công bố mức giá các-bon mặc định cho quốc gia liên quan, dựa trên mức giá mặc định đó. Ngược lại, các bên khai báo sử dụng giá trị cường độ phát thải mặc định bắt buộc phải sử dụng mức giá các-bon mặc định nếu họ muốn yêu cầu khấu trừ.

Đối với các trường hợp lựa chọn sử dụng hồ sơ về mức giá đã thanh toán, nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên khai báo. Theo quy định hiện hành, bộ tài liệu cần thiết bao gồm: bằng chứng cho thấy lượng phát thải hàm chứa đã kê khai thực sự phải chịu một mức giá các-bon đã được thanh toán; bằng chứng về bất kỳ khoản hoàn trả, miễn trừ hoặc hình thức bù đắp nào theo quy định của nước thứ ba, kèm theo viện dẫn đến các văn bản pháp lý liên quan; bằng chứng về việc thanh toán thực tế; và xác nhận bởi một bên độc lập với cả Bên khai báo và cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba, trong đó nêu rõ tên và thông tin liên hệ của bên xác nhận trong tài liệu. Dự thảo Quy định thực thi tháng 5 năm 2026 theo Điều 9(5) (xem Hộp 1) quy định các yêu cầu về năng lực chuyên môn và điều kiện độc lập đối với người xác nhận/chứng nhận đó: người xác nhận phải được công nhận theo tiêu chuẩn EN ISO/IEC 17029:2019 và có thể là cùng một tổ chức thực hiện thẩm định phát thải KNK của đơn vị vận hành; đồng thời, báo cáo giá các-bon phải được nộp bằng tiếng Anh, theo mẫu chuẩn, thông qua Hệ thống đăng ký CBAM. Các quy định này hiện chưa có hiệu lực.

Quy định này cũng cung cấp một lộ trình dự phòng dựa trên giá các-bon mặc định hàng năm đã chi trả. Điều 9(4) quy định rằng giá các-bon mặc định hàng năm sẽ được xác định cho những quốc gia đã thiết lập hệ thống định giá các-bon. Lộ trình này sẽ khả thi khi Ủy ban Châu Âu (EC) công bố mức giá các-bon mặc định cho quốc gia thứ ba liên quan. Mặc dù EC vẫn chưa xác định các giá trị mặc định cụ thể cho từng quốc gia, quy định nêu rõ rằng EC có thể bắt đầu công bố các giá trị này từ năm 2027 và phương pháp tính toán các mức giá này cũng sẽ được ban hành.

Tương ứng với nguyên tắc chung về việc “thực tế đã chi trả” (effectively paid), bất kỳ khoản hoàn thuế các-bon nào hoặc các hình thức bù đắp khác liên quan đến giá các-bon tại quốc gia thứ ba cũng sẽ được xem xét khi xác định giá các-bon mặc định.

Cuối cùng, Điều 2(12) đưa ra khả năng EU sẽ ký kết các thỏa thuận giữa các chính phủ (G2G) với các đối tác thương mại để xác định cụ thể kết quả áp dụng định nghĩa này trong từng trường hợp. Điều này sẽ giúp các khai báo viên tránh được việc phải tự khai báo và xác minh mức giá các-bon đã nộp. Hiện vẫn chưa rõ các cuộc đàm phán này sẽ liên quan như thế nào đến việc thiết lập giá các-bon mặc định theo Điều 9(4).



Hộp 1. Dự thảo hiện đang được đưa ra thảo luận: cách EU dự kiến ghi nhận các khoản giá các-bon đã nộp ở nước ngoài (tháng 5 năm 2026)

Cho đến nay, các quy định về việc khấu trừ **giá các-bon đã nộp tại quốc gia xuất xứ** mới chỉ tồn tại về nguyên tắc — phần hướng dẫn chi tiết về “cách thức thực hiện” vẫn còn thiếu. Vào tháng 5 năm 2026, Ủy ban Châu Âu đã lưu hành **dự thảo Quy định thực thi** (Ủy ban Châu Âu) nhằm lấp đầy khoảng trống này. Văn bản này hiện vẫn chỉ là dự thảo: chưa có hiệu lực pháp lý và các nội dung chi tiết vẫn có thể thay đổi. Tuy nhiên, đây là tín hiệu rõ ràng nhất cho đến nay về cách thức hệ thống này sẽ vận hành, và sau khi được hoàn thiện, văn bản này dự kiến sẽ được áp dụng **hồi tố kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026**. Các điểm chính đối với các đơn vị vận hành được trình bày dưới đây.

Chỉ các đơn vị vận hành báo cáo phát thải thực tế mới đủ điều kiện báo cáo giá thực tế đã nộp; tất cả các trường hợp còn lại phải sử dụng giá trị mặc định đối với giá các-bon đã nộp trong nước. Để yêu cầu khấu trừ dựa trên giá thực tế do doanh nghiệp đã nộp có chứng nhận độc lập hỗ trợ, phát thải hàm chứa phải được báo cáo bằng giá trị thực tế. Các đơn vị vận hành sử dụng phát thải mặc định vẫn có thể được khấu trừ bằng cách sử dụng “giá các-bon mặc định” tiêu chuẩn mà Ủy ban sẽ công bố cho quốc gia liên quan. Giá các-bon mặc định này nhằm phản ánh giá các-bon trung bình, sau khi trừ đi các khoản khấu trừ tại quốc gia xuất xứ. Giá các-bon mặc định này cũng được áp dụng cho các nhà sản xuất báo cáo giá trị phát thải thực tế nếu họ lựa chọn sử dụng giá này thay cho giá thực tế đã nộp.

Chỉ giá thực trả, sau khi đã trừ mọi khoản hoàn trả hoặc hạn ngạch miễn phí, mới được tính vào phần giảm trừ nghĩa vụ CBAM. Hạn ngạch miễn phí, các trường hợp miễn trừ, mức giá ưu đãi, khoản hoàn trả, và khoản bồi hoàn cho chi phí các-bon được chuyển qua hóa đơn điện đều phải được trừ khỏi giá các-bon đã nộp tại quốc gia xuất xứ của hàng hóa nhập khẩu. Ngoại lệ duy nhất là khoản tài trợ mà một cơ chế định giá các-bon trong nước hoàn trả cho một cơ sở công nghiệp nhằm hỗ trợ bù đắp chi phí cho chính các dự án khử các-bon của đơn vị vận hành — khoản này không bị trừ, với điều kiện đáp ứng bốn yêu cầu: mọi cơ sở đều đủ điều kiện được nhận hỗ trợ bất kể mức đã nộp; khoản hỗ trợ phải là khoản mà đơn vị vận hành chủ động nộp hồ sơ xin hưởng, không phải khoản chi trả tự động; quyết định cấp hỗ trợ phải được công khai; và mục tiêu được nêu của khoản hỗ trợ là cắt giảm phát thải của cơ sở đó.

Tín chỉ bù trừ các-bon — trong nước và quốc tế. Nhiều cơ chế định giá các-bon bắt buộc cho phép đơn vị vận hành đáp ứng một phần nghĩa vụ của mình bằng cách mua tín chỉ các-bon **bù trừ**. Dự thảo quy định của EU sẽ công nhận chi phí mua các tín chỉ bù trừ này là giá các-bon đã nộp, nhưng phân định rõ ràng dựa trên nơi diễn ra hoạt động giảm phát thải:

- **Tín chỉ bù trừ cho hoạt động giảm nhẹ phát thải trong chính quốc gia của đơn vị vận hành,** được phát hành theo các tiêu chuẩn của quốc gia đó, được chấp nhận là giá các-bon đã nộp — mà không phải đáp ứng thêm điều kiện bổ sung nào.
- **Tín chỉ bù trừ cho hoạt động giảm nhẹ phát thải bên ngoài quốc gia tức tín chỉ bù trừ quốc tế sẽ phải tuân thủ các hạn chế bổ sung.** Các khoản mua này chỉ được tính là giá các-bon đã nộp nếu đó là các đơn vị theo **Điều 6 của Thỏa thuận Paris** được cho phép và phát hành theo Điều 6.2 hoặc Điều 6.4 dưới dạng “kết quả giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế” (*internationally transferred mitigation outcomes – ITMOs*), và chỉ có thể được dùng để bao phủ tối đa 10% lượng phát thải mà cơ chế đó điều chỉnh.



- **Tương tự các hình thức giá các-bon khác, giá trị của tín chỉ bù trừ được xác định theo giá trên mỗi đơn vị phát thải.** Khoản khấu trừ được tính dựa trên mức giá mà đơn vị vận hành thực tế đã trả để mua tín chỉ bù trừ. Nếu một tín chỉ bù trừ cho một tấn phát thải được mua với giá 5 EUR, mức yêu cầu khấu trừ là 5 EUR/tấn. Tổng lượng phát thải không được giảm xuống do việc mua tín chỉ bù trừ.

Người xác minh thẩm định. Người chứng nhận yêu cầu ghi nhận giá các-bon của đơn vị vận hành phải được công nhận chính thức theo tiêu chuẩn EN ISO/IEC 17029:2019 và có thể là cùng tổ chức thực hiện thẩm định phát thải của đơn vị vận hành. Bản thân báo cáo giá các-bon phải được lập **bằng tiếng Anh** theo mẫu chuẩn và nộp thông qua Hệ thống đăng ký CBAM.

Cách thức phân bổ giá đã nộp cho hàng hóa được giao dịch. Dự thảo quy định đưa ra một phương pháp thống nhất để phân bổ khoản thanh toán các-bon ở cấp cơ sở cho các sản phẩm của cơ sở đó. Tổng giá các-bon đã nộp trong năm báo cáo được chia cho lượng phát thải đã báo cáo và được xác nhận theo cơ chế định giá các-bon, từ đó xác định giá bình quân trên mỗi tấn CO₂tđ. Các phát thải thuộc phạm vi điều chỉnh này sau đó được phân bổ cho từng hàng hóa riêng lẻ bằng cách sử dụng cùng ranh giới hệ thống và quy tắc về quy trình sản xuất đã được sử dụng để tính phát thải hàm chứa, nhờ đó mỗi sản phẩm được gán một mức phát thải riêng trên mỗi tấn sản lượng.

8.2 Mức độ ảnh hưởng

Việc định giá các-bon trong nước ảnh hưởng đến nghĩa vụ tài chính CBAM theo hai cách:

- trực tiếp: Thông qua các khoản khấu trừ theo Điều 9; và
- gián tiếp: Bằng cách khuyến khích giảm phát thải trong quá trình sản xuất.

Tuy nhiên, tác động trực tiếp thường sẽ bị hạn chế. Tại những nơi mà hệ thống nội địa áp dụng cơ chế phân bổ miễn phí đáng kể hoặc các hình thức bù đắp khác, mức giá các-bon “thực tế đã chi trả” — và do đó là số tiền được khấu trừ — gần như chắc chắn sẽ thấp hơn đáng kể so với mức giá các-bon danh nghĩa.

Miễn là mức giá các-bon trong nước vẫn thấp hơn nhiều so với mức giá của EU — và/hoặc bị bù đắp đáng kể bởi các cơ chế bồi thường — thì nghĩa vụ tài chính CBAM sẽ chỉ được giảm trừ một phần. Tuy nhiên, việc đo lường chính xác và lập hồ sơ chứng minh chặt chẽ về việc chi trả giá các-bon sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu chi phí.



9.0 Các nguồn lực sẵn có cho doanh nghiệp

Những nội dung chính

- Tài liệu hướng dẫn này nên được sử dụng kết hợp với các hướng dẫn và công cụ CBAM của Ủy ban Châu Âu, vốn cung cấp thêm nhiều thông tin chi tiết quan trọng.
- Các yêu cầu được dự kiến sẽ tiếp tục được cập nhật từ các NCAs liên quan cũng như từ Ủy ban Châu Âu.
- Doanh nghiệp có thể cần sử dụng phần mềm chuyên dụng hoặc dịch vụ tư vấn để phục vụ cho việc kiểm kê phát thải, thu thập dữ liệu từ nhà cung cấp hoặc xây dựng quy trình báo cáo.

Ủy ban Châu Âu là cơ quan chủ đạo trong việc xây dựng và diễn giải các quy định CBAM. Các tài liệu do cơ quan này ban hành nên được coi là nguồn tham khảo chính cho mọi chiến lược tuân thủ. Ủy ban đã công bố nhiều tài liệu hướng dẫn chi tiết dành cho cả nhà nhập khẩu và các đơn vị vận hành cơ sở ngoài EU. Những tài liệu này cung cấp các công thức toán học cụ thể để tính toán lượng phát thải hàm chứa cho từng ngành thuộc phạm vi điều chỉnh.

Trang chủ CBAM của EU cung cấp quyền truy cập vào toàn bộ khung pháp lý (các quy định, văn bản thực thi, văn bản ủy quyền), hướng dẫn vận hành cho giai đoạn chính thức (bao gồm cấp phép, báo cáo và thẩm định), hệ thống đăng ký CBAM (CBAM Registry), các hội thảo trực tuyến theo từng ngành, danh mục NCAs tại các quốc gia thành viên EU, thông tin công bố về giá chứng chỉ, cũng như các tài liệu hỗ trợ kỹ thuật dành cho các nước đang phát triển.

Ủy ban Châu Âu đã phát triển công cụ tự đánh giá CBAM (CBAM Self-Assessment Tool), là một công cụ dạng Excel cho phép các bộ phận thu mua nhập mã CN, quốc gia xuất xứ và giá trị thương mại để nhanh chóng xác định liệu một giao dịch có thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM hay không. Hướng dẫn chính thức của EU cũng được bổ sung bởi các tài liệu hỗ trợ khác, bao gồm:

- [“Các nội dung tuân thủ CBAM thiết yếu dành cho nhà nhập khẩu và đại diện hải quan gián tiếp kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026”](#) (Ủy ban Châu Âu, 2026a):
 - Cung cấp tổng quan nhanh về các yêu cầu tuân thủ trong giai đoạn chính thức
 - Bao gồm các bước xin cấp phép, thời hạn nộp hồ sơ ngày 31 tháng 3 năm 2026, các ngưỡng về khối lượng, quy trình thực thi và thông tin liên hệ của NCA
- Trang [“Các ngành CBAM”](#) (Ủy ban Châu Âu, 2026b):
 - Cung cấp thông tin chi tiết theo từng ngành, bao gồm cả đối với các nhà sản xuất ngoài EU
 - Bao gồm các hội thảo trực tuyến theo từng ngành



- [“Hỏi & Đáp về Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon \(CBAM\)”](#), Ủy ban Châu Âu (2025)
 - đề cập đến gói lập pháp tháng 12 năm 2025
 - Bao gồm đề xuất mở rộng sang khoảng 180 sản phẩm thép và nhôm hạ nguồn
 - Tóm tắt các quy định chống lẩn tránh và quỹ khử các-bon tạm thời
 - Cung cấp tổng quan về các văn bản thực thi cho giai đoạn chính thức
- [Các bảng Excel về Giá trị mặc định và Chuẩn tham chiếu CBAM](#) (Ủy ban Châu Âu, 2026c):
 - Cung cấp các tham số quan trọng dưới định dạng dễ sử dụng
 - Phản ánh các giá trị được quy định trong các Quy định thực thi (EU) 2025/2621 và 2025/2620
- Trang [“Hệ thống đăng ký CBAM và Báo cáo”](#) (Ủy ban Châu Âu, 2026d):
 - Giải thích cách sử dụng Hệ thống đăng ký CBAM cho mục đích cấp phép và báo cáo
 - Cung cấp hướng dẫn về truy cập và chia sẻ dữ liệu phát thải
 - Bao gồm tài liệu hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn kỹ thuật phục vụ tuân thủ

NCA

Các NCA của các quốc gia thành viên EU chịu trách nhiệm quản lý và thực thi EU CBAM (danh sách đầy đủ có thể được truy cập tại [đây](#)).



10.0 Danh mục kiểm tra (checklist) CBAM dành cho doanh nghiệp

Danh mục kiểm tra dưới đây chuyển hóa các lĩnh vực hành động ưu tiên được xác định trong tài liệu hướng dẫn này thành các yêu cầu vận hành từng bước nhằm đảm bảo tuân thủ trong giai đoạn chính thức.

Các nhà xuất khẩu hàng hóa thuộc phạm vi CBAM sang EU nên thực hiện các hành động sau theo ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: Chuẩn bị và phân tích khoảng trống (2026)

- xác nhận tư cách Bên khai báo được cấp phép
 - **Xuất khẩu sang EU:** Phối hợp với nhà nhập khẩu tại EU (importer of record) để xác nhận rằng họ đã được cấp — hoặc đã nộp hồ sơ xin cấp — tư cách Bên khai báo CBAM được cấp phép. Kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2026, các nhà nhập khẩu bắt buộc phải nộp hồ sơ đăng ký; những bên đã có hồ sơ hợp lệ có thể tiếp tục nhập khẩu tạm thời cho đến khi có quyết định chính thức, trong khi những bên chưa nộp hồ sơ sẽ đối mặt với nguy cơ gián đoạn thương mại.
- **tính toán phát thải hàm chứa:** Thực hiện phân tích khoảng trống giữa hệ thống giám sát phát thải hiện tại và các ranh giới được quy định trong các quy định thực thi của EU.
- **tiền thẩm định:** Ký hợp đồng với một đơn vị thẩm định được EU công nhận để thực hiện đánh giá “tiền thẩm định” đối với dữ liệu năm 2025, nhằm xác định các khoảng thiếu dữ liệu hoặc các điểm cần cải thiện trong việc thu thập dữ liệu phát thải trước khi tiến hành thẩm định chính thức.
- **nâng cấp hệ thống dữ liệu và CNTT:** Đảm bảo các hệ thống nội bộ có khả năng truy vết dữ liệu có thể kiểm toán và xuất báo cáo phát thải theo đúng định dạng mà các đơn vị thẩm định của EU yêu cầu.

Giai đoạn 2: Triển khai vận hành (2026–2027)

- **chia sẻ dữ liệu trong chuỗi cung ứng:** Thiết lập các quy trình chia sẻ dữ liệu chặt chẽ với các nhà cung cấp thượng nguồn của nguyên liệu đầu vào (ví dụ: phôi thép, clinker, alumin) để đảm bảo nhận được dữ liệu thực tế đã được thẩm định.
- **giảm thiểu chi phí:** Đánh giá và triển khai các biện pháp nhằm giảm phát thải hàm chứa trong các sản phẩm thuộc phạm vi CBAM, ưu tiên các cải tiến quy trình sản xuất khi có tính khả thi về mặt thương mại.
- **hạch toán giá các-bon đã thanh toán:** Nếu tham gia ETS trong nước hoặc chịu thuế các-bon, cần lưu trữ hồ sơ chính xác về tất cả các khoản thanh toán giá các-bon để phục vụ cho việc yêu cầu khấu trừ.



- **nộp tờ khai CBAM đã được thẩm định:** Đảm bảo rằng lượng phát thải hàm chứa thực tế đối với hàng nhập khẩu năm 2026 được thẩm định bởi một bên thứ ba được EU công nhận và được báo cáo trên Hệ thống đăng ký CBAM trước thời hạn pháp lý là ngày 30 tháng 9 năm 2027. Đây là nghĩa vụ tuân thủ cốt lõi trong giai đoạn chính thức.

Giai đoạn 3: Chiến lược giảm phát thải và cập nhật quy định

- **đầu tư công nghệ các-bon thấp:** Sử dụng dữ liệu phát thải đã được thẩm định để xây dựng cơ sở đầu tư (business case) cho các dự án công nghệ và quy trình sản xuất ít phát thải.
- **theo dõi thay đổi chính sách:** Theo dõi các diễn biến về quy định, bao gồm khả năng mở rộng sang các sản phẩm hạ nguồn, việc đưa phát thải gián tiếp vào phạm vi đối với ngành sắt, thép và nhôm, cũng như các thay đổi trong lộ trình phân bổ miễn phí theo EU ETS — những yếu tố sẽ làm chi phí tổng thể tăng lên theo thời gian.



Tài liệu tham khảo

Khung pháp lý của EU CBAM

Consolidated Regulation 2023/956 Establishing a Carbon Border Adjustment Mechanism amended by 2025/2083 (CBAM Simplification). (Quy định hợp nhất (EU) 2023/956 thiết lập Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon (Đơn giản hóa CBAM)

Quy định thực thi và quy định ủy quyền

Delegated Regulation by specifying the conditions for granting accreditation to verifiers, for the control and oversight of accredited verifiers, for the withdrawal of accreditation and for mutual recognition and peer evaluation of accreditation bodies (2025/2551). (Quy định ủy quyền quy định các điều kiện cấp công nhận cho tổ chức thẩm định, cơ chế kiểm soát và giám sát các tổ chức thẩm định được công nhận, việc thu hồi công nhận, cũng như cơ chế công nhận lẫn nhau và đánh giá đồng cấp đối với các cơ quan công nhận (2025/2551)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32025R2551>.

Implementing Regulation as regards goods and processed products brought to the continental shelf or the exclusive economic zone of Member States (2025/2210) ((Quy định thực thi quy định việc áp dụng CBAM đối với hàng hóa và sản phẩm đã qua chế biến được đưa đến thềm lục địa hoặc vùng đặc quyền kinh tế của các quốc gia thành viên (2025/2210)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32025R2210>

Implementing Regulation as regards the calculation and publication of the price of CBAM certificates (2025/2548). (Quy định thực thi quy định việc tính toán và công bố giá chứng chỉ CBAM (2025/2548)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32025R2548>

Implementing Regulation as regards the methods for the calculation of emissions embedded in goods (2025/2547). (Quy định thực thi về phương pháp tính toán lượng phát thải hàm chứa trong hàng hóa (2025/2547)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32025R2547>

Implementing Regulation amending and correcting Implementing Regulation 2025/486 as regards the conditions and procedures relating to the status of authorised CBAM declarant (2025/2549). (Quy định thực thi sửa đổi và đính chính Quy định thực thi 2025/486 liên quan đến các điều kiện và thủ tục về tư cách Đơn vị khai báo CBAM được cấp phép (2025/2549)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32025R2549>

Implementing Regulation amending and correcting Implementing Regulation (2024/3210) as regards the CBAM Registry (2025/2550). (Quy định thực thi sửa đổi và đính chính Quy định thực thi 2024/3210 liên quan đến Hệ thống đăng ký CBAM (2025/2550)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32025R2550>



Implementing Regulation on the application of the principles of verification of declared embedded emissions (2025/2546). (Quy định thực thi về việc áp dụng các nguyên tắc thẩm định phát thải hàm chứa được khai báo (2025/2546)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32025R2546>

Implementing Regulation as regards the information to be communicated by customs authorities (2025/2619) (Quy định thực thi về thông tin do cơ quan hải quan cung cấp (2025/2619)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32025R2619&qid=1767657480953>

Implementing Regulation as regards the calculation of the free allocation adjustment to the number of CBAM certificates to be surrendered (2025/2620). (Quy định thực thi về phương pháp tính toán điều chỉnh phân bổ miễn phí đối với số lượng chứng chỉ CBAM phải nộp (2025/2620)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32025R2620>

Implementing Regulation as regards the establishment of default values (2025/2621). (Quy định thực thi về việc thiết lập các giá trị mặc định (2025/2621)) : <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32025R2621&qid=1767657480953>

Đánh giá việc vận hành của EU CBAM

Report from the Commission on the application of the Regulation on the Carbon Border Adjustment Mechanism (COM/2025/783) (Báo cáo của Ủy ban Châu Âu về việc thực hiện Quy định (EU) 2023/956 thiết lập Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon (COM/2025/783)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:52025DCo783>

Các phát triển CBAM trong tương lai

Mở rộng sang sản phẩm hạ nguồn và các biện pháp chống lách luật

Accompanying Document on the Proposal for a Regulation as regards the extension of its scope to downstream goods and anti-circumvention (SWD/2025/987) (Tài liệu làm việc đi kèm Đề xuất Quy định về việc mở rộng phạm vi áp dụng đối với hàng hóa hạ nguồn và các biện pháp chống lách luật (SWD/2025/987)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A52025SCo987&qid=1767657480953>

Impact Assessment Report on the Proposal for a Regulation as regards the extension of its scope to downstream goods and anti-circumvention (SWD/2025/988). (Báo cáo đánh giá tác động về Đề xuất Quy định về việc mở rộng phạm vi áp dụng đối với hàng hóa hạ nguồn và các biện pháp chống lách luật (SWD/2025/988)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A52025SCo988&qid=1767657480953>

Proposal for a Regulation as regards the extension of its scope to downstream goods and anti-circumvention (SWD/2025/989). (Đề xuất Quy định về việc mở rộng phạm vi áp dụng đối với hàng hóa hạ nguồn và các biện pháp chống lách luật (SWD/2025/989)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A52025PCo989&qid=1767657480953>



Proposal for a Regulation establishing the Temporary Decarbonisation Fund (COM/2025/990). (Đề xuất Quy định về việc thành lập Quỹ Khử các-bon Tạm thời (COM/2025/990)): <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A52025PC0990&qid=1767657480953>

Các tài liệu tham khảo khác

ABN AMRO. (2025). ESG economist – Scenarios shaping EU ETS prices. ABN AMRO Group Economics. (Chuyên gia kinh tế ESG – Các kịch bản định hình giá EU ETS) <https://www.abnamro.com/research/en/our-research/esg-economist-scenarios-shaping-eu-ets-prices>

BloombergNEF. (2025). EU ETS carbon price forecasts [Referenced as industry forecaster]. (Dự báo giá EU ETS) [được tham chiếu như một đơn vị dự báo thị trường]

Chahim, M. (2026). Draft report on the proposal for a regulation of the European Parliament and of the Council amending Regulation (EU) 2023/956 as regards the extension of its scope to downstream goods and anti-circumvention measures (PE786.835v01-00; 2025/0419(COD)). Committee on the Environment, Climate and Food Safety, European Parliament. (Dự thảo báo cáo về Đề xuất Quy định của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu sửa đổi Quy định (EU) 2023/956 liên quan đến việc mở rộng phạm vi áp dụng đối với hàng hóa hạ nguồn và các biện pháp chống lách luật (PE786.835v01-00; 2025/0419(COD)). Ủy ban về Môi trường, Khí hậu và An toàn Thực phẩm, Nghị viện Châu Âu). https://www.europarl.europa.eu/doceo/document/ENVI-PR-786835_EN.html

CEPII. (2025). BACI: International trade database at the product level [Data set]. Centre d'Études Prospectives et d'Informations Internationales. (Cơ sở dữ liệu thương mại quốc tế ở cấp độ sản phẩm. Trung tâm Nghiên cứu Triển vọng và Thông tin Quốc tế của Pháp) http://www.cepii.fr/CEPII/en/bdd_modele/bdd_modele_item.asp?id=37

European Commission. (2025). Questions and answers on the Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM). (Ủy ban Châu Âu. (2025). Tài liệu hỏi đáp về Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon (CBAM)). https://ec.europa.eu/commission/presscorner/api/files/document/print/en/qanda_25_3089/QANDA_25_3089_EN.pdf

European Commission. (2026a). CBAM compliance essentials for importers and indirect customs representatives as from 1 January 2026 [Guideline document for external stakeholders]. Directorate-General for Taxation and Customs Union. (Ủy ban Châu Âu. (2026a). Những nội dung cốt lõi về tuân thủ CBAM dành cho nhà nhập khẩu và đại diện hải quan gián tiếp kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 [Tài liệu hướng dẫn dành cho các bên liên quan bên ngoài]). https://taxation-customs.ec.europa.eu/document/download/f1876575-56ae-44d9-b530-2a93a41eeb29_en?filename=Guideline-Document-for-External-Stakeholders.pdf

European Commission. (2026b). CBAM sectors [Web page]. Directorate-General for Taxation and Customs Union. (Ủy ban Châu Âu. (2026b). Các ngành thuộc CBAM). https://taxation-customs.ec.europa.eu/carbon-border-adjustment-mechanism/cbam-sectors_en



- European Commission. (2026c). CBAM default values and benchmarks – Definitive period [Excel spreadsheets]. Directorate-General for Taxation and Customs Union. (Ủy ban Châu Âu. (2026c). Giá trị mặc định và giá trị định mức CBAM cho giai đoạn chính thức) [Tập bảng tính Excel]). Tổng Cục Thuế và Liên minh Hải quan) https://taxation-customs.ec.europa.eu/carbon-border-adjustment-mechanism/cbam-legislation-and-guidance_en#default-values-and-benchmarks-definitive-period
- European Commission. (2026d). CBAM Registry and reporting [Web page, including Authorization Management Module (AMM) training, O3CI module, sectoral webinars, and updated list of National Competent Authorities]. Directorate-General for Taxation and Customs Union. (Ủy ban Châu Âu. (2026d). Hệ thống đăng ký và báo cáo CBAM [Trang thông tin điện tử, bao gồm tài liệu đào tạo về Mô-đun Quản lý Cấp phép (AMM), mô-đun O3CI, các hội thảo trực tuyến theo ngành và danh sách cập nhật các Cơ quan có thẩm quyền quốc gia]. Tổng Cục Thuế và Liên minh Hải quan). https://taxation-customs.ec.europa.eu/carbon-border-adjustment-mechanism/cbam-registry-and-reporting_en
- European Commission. (2026e). CBAM Registry – Data privacy statement. Directorate-General for Taxation and Customs Union. (Ủy ban Châu Âu. (2026e). Tuyên bố bảo vệ dữ liệu cá nhân của Hệ thống đăng ký CBAM. Tổng Cục Thuế và Liên minh Hải quan). https://taxation-customs.ec.europa.eu/document/download/do47c9eb-2acd-4d88-a561-6dda809d7b24_en
- European Commission. (2026f). CBAM O3C installation training module [E-learning module]. Directorate-General for Taxation and Customs Union. (Ủy ban Châu Âu. (2026f). Mô-đun đào tạo trực tuyến về cài đặt O3C cho CBAM. Tổng Cục Thuế và Liên minh Hải quan). <https://cbam.ec.europa.eu/o3cinstallation/>
- European Commission. (2026g). Draft Commission Implementing Regulation laying down rules for the application of Regulation (EU) 2023/956 as regards the conversion of the carbon price paid in a third country into a corresponding reduction in the number of CBAM certificates to be surrendered [Draft implementing regulation; Ref. Ares(2026)4841230]. Directorate-General for Taxation and Customs Union. (Ủy ban Châu Âu. (2026g). Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban Châu Âu quy định chi tiết việc áp dụng Quy định (EU) 2023/956 liên quan đến việc quy đổi chi phí các-bon đã thanh toán tại nước thứ ba thành mức giảm tương ứng trong số lượng chứng chỉ CBAM phải nộp) [Dự thảo quy định thực thi; Mã tham chiếu Ares(2026)4841230]. Tổng Cục Thuế và Liên minh Hải quan). https://taxation-customs.ec.europa.eu/news/carbon-price-paid-third-countries-2026-05-13_en
- ICIS. (2025). EU ETS carbon price forecasts. (Dự báo giá các-bon trong EU ETS) ICIS.



Phụ lục 1. So sánh các bước đo lường phát thải theo Ví dụ 1 và 2 của Mục 5.2

Bảng A.1: Ví dụ tính toán cụ thể về lượng phát thải hàm chứa thực tế cho một tấn thép CN 7207 từ Việt Nam: Lộ trình lò cao – lò thổi ô-xy (BF-BOF) so với lộ trình lò hồ quang điện (EAF)

	Ví dụ 1: BF-BOF	Ví dụ 2: EAF
Các giả định về tiền chất	Sử dụng giá trị mặc định của Việt Nam (IR 2025/2621): - Quặng thiêu kết (HS 2601 12): 1,040 t CO₂/t - Gang thô (HS 7201): 2,190 t CO₂/t	Quy trình EAF chủ yếu sử dụng thép phế liệu (mức phát thải hàm chứa được tính bằng 0 theo quy định của Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon (CBAM)). - Thép phế liệu sau tiêu dùng (HS 7204): 0 t CO₂/t (Lưu ý: Thép phế liệu tiền tiêu dùng – phát sinh trong quá trình sản xuất – phải được xử lý như một loại tiền chất với mức phát thải hàm chứa hoặc mặc định, theo Quy định thực thi IR 2025/2547). - Gang thô (HS 7201, tỷ lệ bổ sung 5%): 2,190 t CO₂/t
Thép thô (Trung gian)	- Phát thải trực tiếp từ quá trình: ~0,220 t CO₂/t - Tiêu thụ gang thô: 0,95 t mỗi tấn thép thô Phát thải hàm chứa riêng (SEE)_{thô} = 0,220 + (0,95 × 2,190) = 2,3005 t CO₂/t	- Phát thải trực tiếp từ quá trình EAF (điện cực/phụ gia): ~0,080 t CO₂/t - Tiêu thụ thép phế liệu: 1,05 t (1,05 × 0 = 0) - Bổ sung gang thô: 0,05 t (0,05 × 2,190 = 0,1095) SEE_{thô} = 0,080 + 0 + 0,1095 = 0,1895 t CO₂/t
Sản phẩm cuối (CN 7207)	- Phát thải từ công đoạn cán/hoàn thiện trực tiếp: ~0,050 t CO₂/t - Tiêu thụ thép thô: 1,05 t trên mỗi tấn sản phẩm cuối Tổng lượng phát thải hàm chứa = 0,050 + (1,05 × 2,3005) = 2,4655 t CO₂/t	- Phát thải từ công đoạn cán/hoàn thiện trực tiếp: ~0,050 t CO₂/t - Tiêu thụ thép thô: 1,05 t trên mỗi tấn sản phẩm cuối Tổng lượng phát thải hàm chứa = 0,050 + (1,05 × 0,1895) = 0,2490 t CO₂/t
Kết quả	Lượng phát thải trực tiếp hàm chứa cho 1 tấn thép sản xuất bằng quy trình lò cao - lò thổi (BF-BOF) (HS 7207): 2.466 t CO₂	Lượng phát thải trực tiếp hàm chứa cho 1 tấn thép sản xuất bằng lò hồ quang điện (EAF) (HS 7207): 0.249 t CO₂

Nguồn: Tính toán minh họa dựa trên các Quy định thực thi CBAM của EU (IR) 2025/2621 (giá trị mặc định cho Việt Nam) và 2025/2547 (xử lý thép phế liệu). Các hệ số phát thải trực tiếp từ quá trình chỉ mang tính tham khảo.

©2026 International Institute for Sustainable Development
Published by the International Institute for Sustainable Development

Head Office

111 Lombard Avenue, Suite 325
Winnipeg, Manitoba
Canada R3B 0T4



iisd.org